

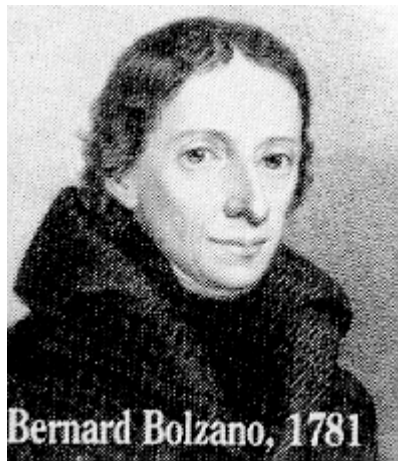
HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 3 Năm 2001

Tập 5 Số 1



Bernard Bolzano (1781-1848)

Lưu hành nội bộ

Thông Tin Toán Học

- Tổng biên tập:

Đỗ Long Vân Lê Tuấn Hoa

- Hội đồng cố vấn:

Phạm Kỳ Anh Phan Quốc Khánh
Đình Dũng Phạm Thế Long
Nguyễn Hữu Đức Nguyễn Khoa Sơn
Trần Ngọc Giao Vũ Dương Thụy

- Ban biên tập:

Nguyễn Lê Hương Nguyễn Xuân Tấn
Nguyễn Bích Huy Đỗ Đức Thái
Lê Hải Khôi Lê Văn Thuyết
Tống Đình Quì Nguyễn Đông Yên

- Tạp chí **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Tạp chí ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thể lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng Việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Tạp chí cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà

toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (đánh theo ABC, chủ yếu theo phong chữ .VnTime).

- Quảng cáo: Tạp chí nhận đăng quảng cáo với số lượng hạn chế về các sản phẩm hoặc thông tin liên quan tới khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Mọi liên hệ với tạp chí xin gửi về:

*Tạp chí: **Thông Tin Toán Học**
Viện Toán Học
HT 631, BÐ Bồ Hồ, Hà Nội*

e-mail:

lthoa@thevinh.ncst.ac.vn

© Hội Toán Học Việt Nam

Ảnh ở bìa 1 lấy từ bộ sưu tầm của GS-TS Ngô Việt Trung

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT VIỆT NAM

Hội Toán học Việt Nam



ĐIỀU LỆ*

Chương I

Tên hội, mục đích và nhiệm vụ của hội

Điều 1. Tên của Hội là Hội Toán học Việt Nam.

Điều 2. Hội Toán học Việt Nam là một tổ chức tự nguyện của những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng và phổ biến toán học.

Mục đích của Hội là tập hợp lực lượng để đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến toán học; nâng cao chất lượng giảng dạy, phát hiện và bồi dưỡng những người có năng khiếu về toán; góp phần xây dựng, phát triển nền toán học và khoa học kỹ thuật của đất nước.

Điều 3. Hội là thành viên của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và hoạt động tuân theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội hoạt động trong phạm vi cả nước và đặt trụ sở tại Hà Nội.

Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài chính riêng. Hội có cơ quan ngôn luận riêng.

Điều 4. Những nhiệm vụ chính của Hội là:

1. Động viên tinh thần tích cực và phát huy khả năng sáng tạo của hội viên, góp phần thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng của toán học phục vụ sản xuất và đời sống.

2. Phổ biến rộng rãi những kiến thức cơ bản, những thành tựu mới về nghiên cứu và ứng dụng toán học.

3. Giúp đỡ hội viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bằng nhiều hình thức như: tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các câu lạc bộ toán học, tổ chức tham quan, khảo sát ở trong và ngoài nước, xuất bản sách báo, tài liệu, tập san, v.v...

4. Tích cực góp phần cùng các cơ quan Nhà nước, các tổ chức quần chúng khác xác định phương hướng, kế hoạch, biện pháp xây dựng và phát triển toán học.

Đề cử những hội viên có năng lực vào các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng và phổ biến khoa học kỹ thuật của Nhà nước.

5. Liên hệ với các hội học thuật ở nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác quốc tế. Động viên các nhà toán học Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng và phát triển nền toán học của nước nhà.

* Như các đồng chí đã biết, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4 của Hội THVN diễn ra vào 30/5/1999, đã thông qua bản Điều lệ sửa đổi của Hội về mặt nguyên tắc và giao cho BCH mới hoàn thiện văn bản. Trên đây là toàn văn Điều lệ được hoàn chỉnh theo nghị quyết của Đại hội. Chú ý: những chỗ in nghiêng là những chỗ đã sửa đổi hoặc thêm mới so với bản Điều lệ cũ.

(BCH TƯ Hội THVN)

Điều 5. Đối với Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội có các nhiệm vụ:

1. Tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện điều lệ của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.

2. Tích cực tham gia các hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.

3. Thường kỳ báo cáo các hoạt động của Hội với Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam.

Chương II **Hội viên**

Điều 6. Mọi công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên *đều có thể xin gia nhập Hội*, nếu:

1. Tán thành Điều lệ của Hội.

2. Có *trình độ chuyên môn về toán* và đã có đóng góp vào ít nhất một trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng và phổ biến toán học.

3. Tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội và *đăng ký xin gia nhập Hội*.

Ban Chấp hành Trung ương Hội xét và quyết định *công nhận* hội viên.

Hội viên của Hội có thể tham gia các Hội khác, kể cả các Hội ở nước ngoài.

Điều 7. Hội viên có quyền:

1. Tham gia các sinh hoạt của Hội, thảo luận và biểu quyết mọi công việc của Hội, *bầu cử và ứng cử* vào Ban Chấp hành các cấp của Hội.

2. Được Hội giúp đỡ thực hiện những công trình nghiên cứu và ứng dụng toán học phục vụ sản xuất và đời sống. Được ưu tiên công bố những kết quả nghiên cứu và ứng dụng toán học trên các tạp chí và ấn phẩm của Hội.

3. Được hưởng những quyền lợi khác do Hội quy định.

4. Xin ra Hội.

Điều 8. Hội viên có nhiệm vụ:

1. Tôn trọng Điều lệ của Hội, thi hành nghiêm chỉnh các chủ trương, nghị quyết của Hội, tích cực *tham gia các hoạt động của Hội*.

2. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, tham gia sinh hoạt Hội và đóng hội phí *đầy đủ*.

3. Tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đem kiến thức của mình phục vụ cho đất nước.

4. Mở rộng ảnh hưởng và uy tín của Hội, vận động quần chúng hưởng ứng mọi hoạt động của Hội.

Chương III **Tổ chức của Hội**

Điều 9. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội Đại biểu Toàn quốc, 5 năm họp một lần. Trong trường hợp đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương Hội có thể triệu tập đại hội bất thường, *nếu có hơn 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành tán thành*.

Điều 10. Đại hội Đại biểu Toàn quốc có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua báo cáo công tác của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

2. Quyết định phương hướng và nhiệm vụ công tác của Hội *cho* nhiệm kỳ *tiếp theo*.

3. Bầu Ban Chấp hành Trung ương, *sau đó bầu trực tiếp* Chủ tịch và Tổng Thư ký của Hội *trong số ủy viên Ban Chấp hành*.

Điều 11. Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ thi hành nghị quyết của Đại hội Đại biểu Toàn quốc và lãnh đạo toàn bộ công tác của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường lệ mỗi năm một lần.

Điều 12. Ban Chấp hành Trung ương bầu ra các Phó Chủ tịch và Phó Tổng Thư ký Hội. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Phó Tổng Thư ký Hội, có trách

nhệm thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và của Ban Chấp hành Trung ương; điều hành mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành. *Chủ tịch Hội* giữ nhiệm vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục.

Ban Chấp hành Trung ương cũng cử ra Ban Thư ký *hoạt động dưới sự điều hành của Tổng Thư ký.*

Giữa hai kỳ Đại hội, khi cần thiết Ban Chấp hành Trung ương có thể bổ sung một số uỷ viên mới, nếu được hơn 2/3 số uỷ viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành (có thể biểu quyết bằng thư). Số lượng uỷ viên được bổ sung không được quá 1/3 số uỷ viên do Đại hội Đại biểu bầu ra.

Giúp việc cho Ban Chấp hành Trung ương có Văn phòng, các ban chuyên môn và *cũng có thể có các tổ chức dịch vụ (kinh tế, đào tạo, v.v...) phục vụ cho hoạt động của Hội.* Biên chế và phương thức hoạt động của các tổ chức này do Ban Thường vụ quyết định.

Điều 13. Trong Hội Toán học Việt Nam có những thành viên tập thể (gọi tắt là các Hội thành viên) là các Hội địa phương (lập theo đơn vị tỉnh, thành phố) và các Hội chuyên ngành về toán (hoạt động theo một trong các mục tiêu nói ở điều 2). Việc thành lập hay giải tán các Hội thành viên do Ban Chấp hành Trung ương ra quyết định. Hội viên của các Hội thành viên không nhất thiết phải là hội viên Hội Toán học Việt Nam.

Với các trường đại học, các viện nghiên cứu và các chuyên ngành có nhiều hội viên, có thể thành lập chi hội hoặc chi hội chuyên ngành, chi hội trưởng do Ban chấp hành trung ương Hội chỉ định. Hội viên của các chi hội này nhất thiết phải là hội viên Hội Toán học Việt nam.

Điều 14. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội thành viên là đại hội đại biểu hội viên, 5 năm họp một lần. Trong trường hợp đặc biệt, Ban Chấp hành Hội thành viên có thể triệu tập đại hội bất thường,

nếu có hơn 2/3 số uỷ viên Ban Chấp hành tán thành.

Đại hội đại biểu hội viên của Hội thành viên có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Hội thành viên.

2. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác trong nhiệm kỳ tiếp theo.

3. Bầu Ban Chấp hành Hội thành viên.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội thành viên do đại hội bầu ra và được Ban Chấp hành Trung ương công nhận, có nhiệm vụ thi hành nghị quyết của đại hội và các chỉ thị nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, lãnh đạo mọi mặt công tác của Hội thành viên giữa hai nhiệm kỳ đại hội. Giữa hai kỳ đại hội, theo đề nghị của hơn 2/3 số uỷ viên Ban Chấp hành Hội thành viên, có thể thay đổi không quá 1/3 số uỷ viên Ban Chấp hành do đại hội bầu ra nếu đề nghị này được Ban Chấp hành Trung ương ra quyết định chuẩn y.

Ban Chấp hành Hội thành viên mỗi năm họp một lần.

Ban Chấp hành Hội thành viên cử ra Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch (nếu cần), Tổng Thư ký các Phó Tổng thư ký (nếu cần).

Chương IV

Khen thưởng và kỷ luật

Điều 16. Những Hội thành viên, Chi hội chuyên ngành, Chi hội và hội viên có nhiều thành tích trong công tác của Hội sẽ được Hội khen thưởng. Các công trình nghiên cứu, ứng dụng, các phát minh sáng chế xuất sắc sẽ được Hội đề nghị lên các cơ quan Nhà nước xác nhận, khen thưởng và được ưu tiên đăng trong các tạp chí của Hội. Hội có các giải thưởng đặc biệt cho các tập thể và hội viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, ứng dụng, giảng dạy và phổ biến toán học.

Điều 17. Hội viên nào hành động trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm tổn thương đến danh dự và uy tín của Hội, thì tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị phê bình giáo dục hoặc không được công nhận là hội viên nữa. *Cấp ra quyết định là Ban Chấp hành Trung ương Hội.*

Chương V **Tài chính của hội**

Điều 18. Nguồn tài chính của Hội gồm có:

- Tiền hội phí của hội viên
- Thu nhập của các hoạt động của Hội
- Tiền ủng hộ của các đoàn thể và cá nhân trong và ngoài nước
- Tiền trợ cấp của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và của Nhà nước.

Điều 19. Tài chính của Hội phải được quản lý theo thể lệ và chế độ thống nhất do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Chương VI **Sửa đổi điều lệ. Giải tán Hội**

Điều 20. Chỉ có Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội Toán học Việt Nam mới có quyền sửa đổi Điều lệ của Hội.

Điều 21. Hội chỉ ngừng hoạt động hay giải tán khi có:

1. Quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc.
2. Quyết nghị của cơ quan đã cho phép thành lập Hội.

Điều 22. Bản Điều lệ sửa đổi của Hội Toán học Việt Nam gồm có 6 chương, 22 điều và đã được Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV của Hội, họp tại Hà Nội, thông qua ngày 30 tháng 5 năm 1999.

Giáo sư Nguyễn Đình Trí, người thầy, người đồng nghiệp lớn của giới toán học Việt Nam

Phạm Thế Long (Học viện KTQS)
và **Nguyễn Cảnh Lương** (ĐHBK Hà Nội)

GS Nguyễn Đình Trí sinh ngày 10-01-1931 tại Lý Nhân, Hà Nam. Trước khi trở thành sinh viên Khoa Toán trường ĐHSP Hà Nội, Ông đã là nhà giáo. Sau khi tốt nghiệp ĐHSP Hà nội tháng 7 năm 1956, Ông về công tác tại trường ĐHBK Hà Nội và là một trong những người đầu tiên xây dựng đội ngũ giáo viên Toán của trường. Năm 1961 Ông là giáo viên Toán đầu tiên của trường ĐHBK Hà nội được cử sang Liên xô làm nghiên cứu sinh. Năm 1965 Ông bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ

Toán - Lý tại trường ĐHTH Lômônôxốp. Như vậy Ông là Phó tiến sĩ đầu tiên của bộ môn Toán trước đây, nay là Khoa Toán ứng dụng Trường ĐHBK Hà nội. Với uy tín trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học Ông được bổ nhiệm làm tổ trưởng Bộ môn Toán từ 1966 - 1968. Năm 1968 khoa Toán-Lý trường ĐHBK được thành lập, Ông đã được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm khoa đầu tiên và ở cương vị này cho đến năm 1977. Sau đó, từ năm 1977-1994 với năng lực quản lý và uy tín cao của mình,

Ông đã được cử giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường ĐHBK Hà nội, phụ trách công tác đào tạo là công tác quan trọng nhất của nhà trường. Ghi nhận và đánh giá cao những cống hiến của Ông cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và cho nền toán học Việt Nam, năm 1984 nhà khoa học, nhà giáo lão thành Nguyễn Đình Trí đã trở thành một trong số những nhà toán học đầu tiên được phong hàm Giáo sư. Năm 1988 Ông cũng là một trong số những nhà giáo đầu tiên được nhận danh hiệu cao quý Nhà Giáo Nhân Dân.

Ngoài công tác nặng nề đảm nhận ở Trường ĐHBK Hà nội, Ông còn có uy tín lớn trong giới Toán học Việt Nam. Chính vì vậy Giáo sư đã được bầu vào BCH Hội ngay từ khi Hội mới thành lập và tại Đại hội toán học toàn quốc khoá II Giáo sư được bầu làm Chủ tịch Hội.

Nói đến GS- NGND Nguyễn Đình Trí là nói đến một người thầy đáng kính, một nhà sư phạm uyên bác và mẫu mực. Hơn 40 năm gắn bó với trường ĐHBK Hà Nội, Ông đã gắn toàn bộ cuộc đời của mình với nghề dạy học. Khó có thể kể hết bao nhiêu học trò của nhà giáo lão thành Nguyễn Đình Trí nay đã trở thành các nhà khoa học, các nhà giáo, các nhà quản lý trong mọi lĩnh vực, trên mọi miền của đất nước, trong số đó có rất nhiều người cũng đã trở thành các giáo sư, tiến sĩ. Tất cả những lớp học trò ấy vẫn không bao giờ quên được những giờ giảng hết sức hấp dẫn và sư phạm của thầy Trí trên giảng đường năm nào. Và bây giờ cũng vậy, sau gần 50 năm đứng trên bục giảng, đã ở tuổi 70, song Ông vẫn luôn chăm lo đến công tác đào tạo. Các bài giảng của Ông luôn được chuẩn bị một cách công phu và hấp dẫn đối với sinh viên. Tấm lòng ấy của một người thầy với sự nghiệp trồng người không phải ai cũng có. Nói đến đóng góp của Ông trong sự nghiệp giáo dục còn phải nói đến sự cải tiến chương trình và giáo trình. Ngay từ khi còn là một cán bộ giảng dạy bình thường cho đến khi làm công tác quản lý ở Khoa,

Trường, Ông luôn luôn quan tâm đến chương trình giảng dạy, làm thế nào để cập nhật được kiến thức hiện đại nhưng lại rất sư phạm. Bộ giáo trình toán cao cấp dùng cho các Trường Đại học kỹ thuật do Ông chủ biên từ nhiều năm nay đã được coi là cẩm nang của sinh viên và được coi là tài liệu chuẩn để dạy toán tại các trường đại học kỹ thuật trong một thời gian dài. Nay đã tròn 70 tuổi song Ông vẫn luôn trăn trở về các chương trình giảng dạy toán cho các trường đại học kỹ thuật, về đổi mới chương trình giảng dạy cho các cấp học khác nhau.

Ông là một trong những nhà toán học Việt nam có uy tín lớn trong lĩnh vực Phương trình đạo hàm riêng. Ông đã có nhiều công trình công bố có giá trị đóng góp cho sự phát triển của Toán học nói chung và nền toán học Việt Nam nói riêng. Ông đã nhiều lần được mời báo cáo tại các hội nghị khoa học quốc tế, nhiều lần được mời tham dự Đại hội toán học thế giới, tại Nhật, Đức, Thụy Sĩ... Với uy tín và cương vị của mình trong cộng đồng toán học, Ông đã chủ trì thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế. Nhiều nghiên cứu sinh do Ông hướng dẫn đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Ông cũng đã làm chủ tịch của nhiều hội đồng chấm luận án tiến sĩ, tiến sĩ khoa học cấp nhà nước, là phản biện nhiều luận án tiến sĩ, tiến sĩ khoa học. Đồng thời Ông còn là uỷ viên của Hội đồng Học hàm Nhà nước ngành Toán -Tin, trưởng tiểu ban Toán thi cao học và nghiên cứu sinh của Bộ GD&ĐT trong nhiều năm liền, làm chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ. Ông là một trong những người thành lập và chủ trì Xemina phương trình Toán-Lý từ năm 1966 đến nay vẫn hoạt động đều đặn.

Dù bất cứ ở cương vị nào Ông luôn là người sống giản dị, chân thành, cởi mở, là người Thầy được học sinh và sinh viên kính trọng, là cán bộ giảng dạy được anh em đồng nghiệp quý mến, là cán bộ lãnh đạo được cấp dưới kính nể

vì cách giải quyết dứt khoát nhưng thấu tình đạt lý. Những đóng góp của Ông cho khoa Toán ứng dụng, cho trường ĐHBK Hà nội và cho nền Toán học Việt Nam là rất to lớn. Các thế hệ học trò, đồng nghiệp và các cán bộ thế hệ trẻ rất biết ơn công lao đó. Cùng với các danh hiệu cao quý Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Ông đã được các danh hiệu và huân, huy chương như:

Chiến sĩ thi đua toàn quốc
Huân chương Lao động hạng nhất
Huân chương Kháng chiến hạng nhì
Huy chương vì sự nghiệp giáo dục
Huy chương vì thế hệ trẻ.

Tất cả những thành công và đóng góp của Ông một phần là nhờ vào sự chăm lo về mọi mặt của người vợ hiền của Ông, bà Nguyễn Thục Nga. Nhờ đó Ông có đủ sức khỏe, thời gian và điều kiện đóng góp sức lực và trí tuệ của mình cho sự phát triển của Khoa Toán ứng dụng, cho trường ĐHBK Hà nội và cho nền Toán học VN.

Nay tuy tuổi đã cao song Ông vẫn tiếp tục chăm lo đào tạo thế hệ trẻ từ

sinh viên các lớp kỹ sư tài năng, sinh viên trong toàn trường cho đến hướng dẫn và bồi dưỡng cán bộ trẻ. Vẫn như xưa, Ông vẫn luôn quan tâm sâu sắc đến mọi hoạt động và sự phát triển của cộng đồng toán học Việt Nam. Ngoài ra Ông còn đảm nhận trọng trách lớn mà Trường ĐHBK Hà nội và Bộ GD &ĐT giao cho là Chủ tịch Hội đồng Viện Tin học sử dụng tiếng Pháp.

Chúng tôi rất vui mừng vì hôm đến dự buổi kỷ niệm ngày sinh lần thứ 70 của Ông do BCH Hội THVN và Khoa Toán ứng dụng tổ chức, mặc dù ở cái tuổi theo cách nói của người xưa là "xưa nay hiếm", song Giáo sư vẫn còn rất khỏe mạnh và minh mẫn. Cho phép chúng tôi được thay mặt Hội Toán học Việt Nam và Khoa Toán ứng dụng chân thành cảm ơn Ông về những đóng góp lớn lao, quý báu của Ông và kính chúc Ông luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp khoa học, sự nghiệp giáo dục đào tạo và cho nền Toán học VN ngày một phát triển.

Bảy bài toán của thiên niên kỷ*

Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐH KHTN Hà Nội)

(Sưu tầm, biên soạn và dịch)

Đúng 100 năm trước đây, D. Hilbert (1862-1943) đưa ra 23 bài toán mà thế kỷ 19 thách thức thế kỷ 20. Tới nay, hầu hết các bài toán đó đã được giải quyết, góp phần đáng kể vào sự phát triển của toán học thế kỷ vừa qua.

Tiếp nối truyền thống đó, hồi 16 giờ ngày Thứ tư 24 tháng 5 năm 2000, Viện

Toán học mang tên Clay (CMI) công bố tại Paris *Bảy bài toán của thiên niên kỷ*.

Viện Toán CMI mới được thành lập tại Cambridge (bang Massachusetts, Mỹ). Đó là một tổ chức tư nhân, phi lợi nhuận, tự đặt cho mình mục tiêu là *phát triển vẻ đẹp, sức mạnh và tính phổ quát của tư duy toán học* cũng như *phổ biến*

* CMI cũng công bố trao giải thưởng 1 triệu đô la/ mỗi bài toán cho những ai giải được chúng.

tri thức toán học. Viện được sáng lập theo nhãn quan của thương gia người Boston, ông Landon T. Clay. Hội đồng tư vấn khoa học của Viện gồm bốn nhà toán học lừng danh và tương đối trẻ: Alain Connes, Arthur Jaffe, Edward Witten và Andrew Wiles. Ban Giám đốc Viện gồm Arthur Jaffe (Chủ tịch), Landon T. Clay (Người sáng lập, Phó chủ tịch kiêm phụ trách tài chính) và 3 giám đốc. Phiên họp đầu tiên giữa Ban Giám đốc và Hội đồng tư vấn khoa học diễn ra ngày 10 tháng 5 năm 1999.

Sau đây là diễn đạt nội dung bảy bài toán của thiên niên kỷ cho quảng đại quần chúng. Những diễn đạt này do Viện CMI tuyển chọn và sắp xếp thứ tự.

Bài toán về thời gian đa thức

Một tối thứ bảy, bạn tới dự một bữa tiệc lớn. Cảm thấy e thẹn, bạn tự hỏi không biết mình có quen một ai đó trong phòng tiệc hay không. Chủ nhà cho rằng hẳn là bạn phải quen Hồng, thiếu phụ ngồi ở góc kế bên bàn hoa quả tráng miệng. Chỉ nhìn thoáng một cái, bạn có thể nhận ra rằng chủ nhà đã nói đúng. Tuy nhiên, nếu không có gợi ý của chủ nhà, bạn chỉ có cách đi khắp gian phòng, gặp từng người một để xem bạn có quen ai hay không. Đó là một ví dụ điển hình về hiện tượng thường gặp là tìm ra nghiệm của một bài toán thường mất nhiều thời gian hơn là kiểm tra xem một đáp số đã cho có đúng hay không. Tương tự, nếu ai đó bảo rằng số 13.717.421 có thể phân tích thành tích của hai số nhỏ hơn, chắc là bạn sẽ không biết có nên tin người đó hay không. Thế nhưng, nếu anh ta bảo rằng số đó là tích của 3607 và 3803 thì bạn có thể nhờ một máy tính cầm tay mà dễ dàng kiểm tra rằng anh ta đã nói đúng. Một trong những vấn đề hóc búa của lôgic và tin học là xác định xem tồn tại chăng những bài toán mà câu trả lời của chúng có thể kiểm tra nhanh chóng (chẳng hạn với sự trợ giúp của máy tính), nhưng cần một thời gian *lâu hơn nhiều* để giải

chúng từ đầu (mà không biết trước lời giải). Dường như chắc chắn có rất nhiều bài toán như vậy. Thế nhưng, cho tới nay chưa có ai chứng minh được rằng một bài toán nào đó trong số những bài toán ấy thực sự đòi hỏi một thời gian dài để giải; đơn giản có thể là chúng ta chưa tìm ra cách giải chúng nhanh chóng mà thôi.

(Diễn đạt của Stephen Cook, 1971)

Giả thuyết Hodge

Trong thế kỷ 20 các nhà toán học đã tìm ra nhiều phương pháp hữu hiệu để nghiên cứu hình dạng của những đối tượng phức tạp. Ý tưởng cơ bản là tự hỏi làm thế nào để xấp xỉ hình dạng của một đối tượng đã cho bằng cách dán vào nhau các khối hình học đơn giản với số chiều tăng dần. Kỹ thuật này tỏ ra rất tiện dụng vì nó có thể tổng quát hoá theo nhiều cách khác nhau, cuối cùng đã dẫn tới những công cụ mạnh cho phép các nhà toán học đạt được những thành tựu lớn trong việc phân loại hàng loạt đối tượng mà họ muốn nghiên cứu. Đáng tiếc là xuất phát điểm hình học của quá trình này đã ngày càng mờ nhạt đi theo đà tổng quát hoá. Theo một nghĩa nào đó, người ta đã bịa ra những *bộ phận* không có bất kỳ một lý giải hình học nào. Giả thuyết Hodge khẳng định rằng đối với các không gian thuộc một kiểu đặc biệt tốt, được gọi là các *đa tạp đại số xạ ảnh*, các bộ phận có tên là *chu trình Hodge* thật ra là các tổ hợp (tuyến tính hữu tỷ) của các bộ phận hình học có tên là *chu trình đại số*.

(Diễn đạt của Pierre Deligne)

Giả thuyết Poincaré

Nếu ta quấn chặt một dây cao su quanh bề mặt của một quả táo, khi đó ta có thể co nó lại dần dần cho tới khi quả táo trở thành một điểm mà không làm nó vỡ thành nhiều mảnh cũng như không để nó chui ra ngoài vỏ. Mặt khác, hãy

tưởng tượng ta cũng quấn chặt dây cao su đó quanh bề mặt của một cái bánh rán (hình xuyên), khi đó không có cách nào co dãn cái bánh thành một điểm mà không làm nó vỡ thành nhiều mảnh hay làm đứt dây chun. Ta bảo rằng bề mặt của quả táo là “đơn liên” còn bề mặt của cái bánh rán thì không như thế. Gần một trăm năm trước, Poincaré đã biết rằng mặt cầu hai chiều được đặc trưng thực chất bởi tính đơn liên của nó và ông đặt câu hỏi điều đó còn đúng hay không đối với mặt cầu ba chiều (tức là tập hợp các điểm trong không gian bốn chiều nằm cách gốc toạ độ một khoảng cách bằng đơn vị). Bài toán này tỏ ra cực kỳ khó. Các nhà toán học đã và đang vật lộn với nó từ bấy đến nay.

(Diễn đạt của John Milnor)

Giả thiết Riemann

Một số số tự nhiên có tính chất đặc biệt là chúng không thể viết thành tích của hai số nhỏ hơn, chẳng hạn 2, 3, 5, 7 ... Những số như thế được gọi là các số nguyên tố. Chúng đóng một vai trò quan trọng trong toán học thuần túy cũng như những áp dụng của nó. Sự phân bố của các số nguyên tố giữa các số tự nhiên không tuân theo một mẫu chính quy nào cả. Tuy nhiên nhà toán học Đức G. F. B. Riemann (1826-1866) quan sát thấy rằng tần suất xuất hiện các số nguyên tố có quan hệ mật thiết với một hàm phức tạp “ $z(s)$ ” được gọi là hàm Zeta (của) Riemann. Giả thiết Riemann khẳng định rằng tất cả các nghiệm *thứ vị* của phương trình $z(s) = 0$ đều nằm trên một đường thẳng. Điều này đã được kiểm nghiệm đối với 1.500.000.000 nghiệm đầu tiên. Nếu tìm được một chứng minh cho giả thiết Riemann, nó sẽ rọi sáng vào nhiều điều bí ẩn xung quanh sự phân bố của các số nguyên tố.

(Diễn đạt của Enrico Bombieri)

Lý Thuyết Yang-Mills

Những định luật của vật lý lượng tử có vai trò đối với thế giới các hạt cơ bản cũng giống hệt như những định luật Newton của cơ học cổ điển đối với thế giới vĩ mô. Gần nửa thế kỷ trước, Yang và Mills phát hiện ra rằng vật lý lượng tử biểu lộ một mối quan hệ đáng chú ý giữa vật lý của các hạt cơ bản và toán học của các đối tượng hình học. Các dự đoán đặt nền tảng trên phương trình Yang-Mills đã được kiểm nghiệm trong các thí nghiệm năng lượng cao được tiến hành tại các phòng thí nghiệm trên toàn thế giới: Brookhaven, Stanford, CERN và Tsukuba. Tuy nhiên, không có nghiệm nào đã được biết của phương trình này đồng thời *vừa mô tả các hạt cơ bản có khối lượng vừa chính xác về mặt toán học*. Nói riêng, giả thiết về “chỗ hỏng khối lượng”, mà phần lớn các nhà vật lý thừa nhận và sử dụng trong lý giải của họ cho tính không quan sát được của các hạt quark, chưa bao giờ được chứng minh thoả đáng về mặt toán học. Những tiến bộ trong vấn đề này sẽ đòi hỏi phải đưa ra những ý tưởng mới cơ bản cả trong vật lý và toán học.

(Viện CMI không cho biết tác giả của diễn đạt này.)

Phương trình Navier-Stokes⁺

Sóng nổi lên phía sau khi chúng ta bơi thuyền qua hồ và dòng không khí rối cuốn theo sau máy bay của chúng ta. Các nhà toán học và vật lý tin rằng một sự lý giải và dự đoán cho hai hiện tượng sóng và dòng rối có thể tìm thấy thông qua việc hiểu các nghiệm của các phương trình Navier-Stokes. Mặc dầu các phương trình này đã được viết ra từ thế kỷ 19, nhưng hiểu biết của chúng ta về chúng còn rất ít ỏi. Thách thức được đặt ra là tạo lập những tiến bộ thực chất hướng tới một lý thuyết toán học nhằm

⁺ Xem diễn đạt chính xác trong bài của GS Trần Đức Vân đăng cùng số này.

mở toang những bí ẩn bao trùm các phương trình Navier-Stokes.
(Diễn đạt của Charles Fefferman)

Giả thuyết Birch và Swinnerton-Dyer

Các nhà toán học luôn bị quyến rũ bởi bài toán tìm tất cả các nghiệm nguyên x, y, z của các phương trình đại số kiểu $x^2 + y^2 = z^2$. Euclid đã tìm ra tất cả các nghiệm của phương trình đó, nhưng đối với các phương trình phức tạp hơn thì việc giải trở thành cực kỳ khó. Thật vậy, năm 1970 Yu. V. Matiyasevich chứng minh rằng bài toán thứ 10 của Hilbert không thể giải được, tức là không có phương pháp tổng quát

để xác định xem khi nào thì một phương trình như vậy có một nghiệm nguyên. Nhưng trong các trường hợp riêng, người ta có thể hy vọng nói được đôi điều. Khi mà các nghiệm là các điểm của một đa tạp đại số, giả thuyết Birch và Swinnerton-Dyer khẳng định rằng độ lớn của nhóm các *điểm* (tức là các *nghiệm*) hữu tỷ có quan hệ với dáng điệu của một hàm zeta liên kết $\zeta(s)$ ở gần điểm $s=1$. Đặc biệt, giả thuyết đáng kinh ngạc này khẳng định rằng nếu $\zeta(1)=0$ thì phương trình có một số vô hạn nghiệm hữu tỷ và ngược lại, nếu $\zeta(1) \neq 0$ thì phương trình chỉ có một số hữu hạn nghiệm hữu tỷ.
(Diễn đạt của Andrew Wiles)

BÀI TOÁN VỀ TỒN TẠI NGHIỆM TRON CỦA HỆ PHƯƠNG TRÌNH NAVIER-STOKES

Trần Đức Vân (Viện Toán học)

Vừa qua, tháng 6 năm 2000, để chào mừng Thiên niên kỷ mới, Viện Toán học Clay tại Cambridge, Massachusetts đã cho công bố 7 bài toán Thế kỷ với giải thưởng 7 triệu USD (mỗi bài toán là một triệu USD) cho những ai giải quyết được chúng. Trong bài báo nhỏ này chúng tôi muốn trình bày với các bạn yêu toán một trong những bài toán đó, bài toán có liên quan đến hệ phương trình Navier-Stokes.

Mặc dù được đưa ra nghiên cứu lần đầu tiên vào năm 1822, cho đến nay đã có hàng vạn bài báo và sách viết về hệ phương trình Navier-Stokes, tuy nhiên những hiểu biết của chúng ta về nghiệm của hệ phương trình này còn quá khiêm tốn. Muốn hiểu được hiện tượng sóng đập sau đuôi con tàu chạy trên mặt nước hoặc hiện tượng hỗn loạn của không khí sau đuôi máy bay khi bay trên bầu trời... chúng ta đều phải tìm cách giải hệ phương trình Navier-Stokes. Do nhu cầu của Khoa học và Công nghệ mà việc nghiên cứu hệ phương trình Navier-Stokes càng trở nên thời sự và cấp thiết.

Hệ phương trình Navier-Stokes mô tả sự chuyển động của chất lỏng nhớt trong \mathbf{R}^n ($n = 2$ hoặc 3). Ta giả thiết rằng chất lỏng không nén được lấp đầy \mathbf{R}^n . Ta đi tìm một hàm véc tơ vận tốc $u(x, t) = (u_i(x, t))$, $i = 1, 2, \dots, n$ và hàm áp suất $p(x, t) \in \mathbf{R}$, xác định tại vị trí $x \in \mathbf{R}^n$ và thời gian $t > 0$, thoả mãn hệ phương trình Navier-Stokes như sau:

$$(1) \quad \frac{\partial u_i}{\partial t} + \sum_{j=1}^n u_j \frac{\partial u_i}{\partial x_j} = \nu \Delta u_i - \frac{\partial p}{\partial x_i} + f_i(x, t) \quad (x \in \mathbf{R}^n, t > 0)$$

$$(2) \quad \operatorname{div} u = \sum_{i=1}^n \frac{\partial u_i}{\partial x_i} = 0 \quad (x \in \mathbf{R}^n, t > 0)$$

và điều kiện ban đầu

$$(3) \quad u(x, 0) = u^0(x) \quad (x \in \mathbf{R}^n).$$

Ở đây, hàm véc tơ $u^0(x)$ là khả vi vô hạn và $\operatorname{div} u^0 = 0$ (tức là $u^0(x)$ là một C^∞ - trường véc tơ tự do div trên \mathbf{R}^n), $f_i(x, t)$ là những hàm đã biết biểu thị các lực tác động bên ngoài (ví dụ như trọng lực), ν là một hệ số nhớt dương, còn $\Delta = \sum_{i=1}^n \frac{\partial^2}{\partial x_i^2}$ là toán tử

Laplace theo các biến không gian $x \in \mathbf{R}^n$.

Phương trình (1) chính là Định luật Newton $f = ma$ đối với chất lỏng nhớt dưới sự tác động của lực bên ngoài $f = (f_i(x, t))$, $i = 1, \dots, n$. Phương trình (2) miêu tả sự không nén của chất lỏng. Từ ý nghĩa vật lý, ta thấy rằng hàm $u(x, t)$ không tăng quá nhanh khi $|x| \rightarrow \infty$. Vì thế, ta sẽ cho các lực f và điều kiện ban đầu u^0 thoả mãn điều kiện tăng như sau:

$$(4) \quad |\partial_x^\alpha u^0(x)| \leq C_{\alpha k} (1 + |x|)^{-k} \text{ trên } \mathbf{R}^n \text{ với } \alpha \text{ và } k \text{ bất kỳ}$$

và

$$(5) \quad |\partial_x^\alpha \partial_t^m f(x, t)| \leq C_{\alpha m k} (1 + |x| + t)^{-k} \text{ trên } \mathbf{R}^n \times [0, \infty) \text{ với bất kỳ } \alpha, m, k.$$

Chúng ta sẽ nói rằng nghiệm của bài toán (1)-(3) có ý nghĩa vật lý nếu nó thoả mãn

$$(6) \quad p, u \in C^\infty(\mathbf{R}^n \times [0, \infty))$$

và

$$(7) \quad \int_{\mathbf{R}^n} |u(x, t)|^2 dx < C, \text{ với mọi } t \geq 0.$$

Vấn đề cơ bản ở đây là liệu có tồn tại nghiệm trơn, có ý nghĩa vật lý của hệ phương trình Navier-Stokes? Chính xác hơn, ta có thể đặt các giả thuyết sau.

Giả thuyết A: (Tồn tại nghiệm trơn của hệ phương trình Navier-Stokes trong \mathbf{R}^3). Cho $\nu > 0$, $n = 3$ và $f(x, t) = 0$. Giả thiết rằng $u^0(x)$ là một trường véc tơ bất kỳ, trơn, $\operatorname{div} u^0 = 0$, thoả mãn (4). Khi đó tồn tại các hàm trơn $p(x, t)$ và $u_i(x, t)$, $i = 1, \dots, n$ trong $\mathbf{R}^3 \times [0, \infty)$ thoả mãn (1), (2), (3), (6) và (7).

Giả thuyết B: (Không tồn tại nghiệm trơn của hệ phương trình Navier-Stokes trong \mathbf{R}^3). Cho $\nu > 0$ và $n = 3$. Khi đó tồn tại một trường véc tơ $u^0(x)$ trên \mathbf{R}^3 trơn và $\operatorname{div} u^0 = 0$ và một hàm trơn $f(x, t)$ trên $\mathbf{R}^3 \times [0, \infty)$, thoả mãn (4), (5), mà không tồn tại nghiệm trơn (p, u) của bài toán (1), (2), (3), (6), (7) trên $\mathbf{R}^3 \times [0, \infty)$.

Như vậy, giả thuyết B một phần nào đó phủ định giả thuyết A.

Viện Toán học Clay sẵn sàng trao 1 triệu USD cho nhà toán học nào chứng minh được một trong hai giả thuyết trên.

Trong trường hợp $n = 2$, giả thuyết A đã được Olga Ladyzhenskaya, Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Nga giải quyết trọn vẹn và công bố trong [2]. Nhưng phương pháp mà Olga Ladyzhenskaya sử dụng không giúp ích gì cho việc chứng minh giả thuyết A, vì những khó khăn cơ bản đã không xuất hiện khi $n = 2$.

Với $n = 3$, ta đã có các kết quả sau đây.

Giả thuyết A là đúng, nếu hàm ban đầu u^0 là đủ nhỏ, có nghĩa là $lu^0 \ll \varepsilon$. Trường hợp nếu hàm ban đầu u^0 không nhỏ thì giả thuyết A sẽ đúng khi ta thay khoảng thời gian $[0, \infty)$ bằng khoảng thời gian ngắn $[0, T]$, trong đó thời gian cuối T phụ thuộc vào hàm ban đầu u^0 . Với hàm ban đầu cho trước u^0 , thời gian cuối T lớn nhất mà giả thuyết A vẫn đúng được gọi là *thời gian bùng nổ*. Đối với hệ phương trình Navier-Stokes, nếu tồn tại một nghiệm với thời gian bùng nổ hữu hạn T , khi đó vận tốc $u_i(x, t)$, $i = 1, \dots, n$ trở thành không giới nội tại gần thời điểm T .

Thông thường, khi nghiên cứu một bài toán phương trình đạo hàm riêng (ĐHR), trước tiên người ta tìm nghiệm yếu của nó, sau đó sẽ xét đến tính chính quy của nghiệm yếu đó (tức là xét xem nghiệm yếu khả vi đến cấp nào). Ý tưởng đưa ra định nghĩa nghiệm yếu chính là bằng cách nhân phương trình ĐHR với một hàm số khá tốt được gọi là hàm thử (hàm số này khả vi vô hạn và có giá compact), sau đó lấy tích phân từng phần để chuyển các đạo hàm của nghiệm sang hàm thử. Trong trường hợp hệ Navier-Stokes ta làm như sau. Giả sử lúc này rằng nghiệm $u(x, t)$ là hàm trơn. Với mỗi trường véc tơ trơn và có giá compact $\theta(x, t) = (\theta_i(x, t))$, $i = 1, \dots, n$, ta nhân nó với phương trình (1), sau đó lấy tích phân từng phần để nhận được

$$(8) \quad - \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} u \frac{\partial \theta}{\partial t} dxdt - \sum_{ij} \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} u_i u_j \frac{\partial \theta_i}{\partial x_j} dxdt = \\ = \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} u \Delta \theta dxdt + \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} f \cdot \theta dxdt - \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} p(\operatorname{div} \theta) dxdt .$$

Chú ý rằng đồng nhất thức (8) có ý nghĩa không những với hàm trơn $u(x, t)$ mà còn đúng với hàm $u \in L^\infty$, $f \in L^1$, $p \in L^1$, trong khi đó phương trình (1) chỉ có nghĩa khi hàm $u(x, t)$ khả vi hai lần trở lên. Vì thế, khi định nghĩa nghiệm yếu của hệ phương trình Navier-Stokes, ta chỉ cần giả thiết hàm $u(x, t)$ thuộc L^∞ . Tương tự, nếu $\varphi(x, t)$ là hàm trơn và có giá compact trong $\mathbf{R}^3 \times [0, \infty)$, bằng cách lấy tích phân từng phần từ phương trình (2) ta có

$$(9) \quad \iint_{\mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}} u \cdot \nabla_x \varphi dxdt = 0$$

Hàm véc tơ $u(x, t)$ thoả mãn (8), (9) với mọi hàm thử θ và φ được gọi là *nghiệm yếu* của hệ phương trình Navier-Stokes.

Nhà toán học người Pháp, Leray [3] là người đầu tiên chứng minh được rằng bài toán (1), (2), (3) của hệ Navier-Stokes với $n = 3$ luôn luôn có nghiệm yếu (p, u) có độ tăng hợp lý. *Tuy nhiên vấn đề về tính duy nhất nghiệm yếu vẫn còn để ngỏ cho đến ngày nay.*

Sau Leray, nhiều nhà toán học đã nghiên cứu tính chính quy của nghiệm yếu đối với hệ Navier-Stokes. Ví dụ như Scheffer [4] đã áp dụng ý tưởng của lý thuyết độ đo hình học để chứng minh Định lý về tính chính quy từng phần của nghiệm yếu. Caffarelli, Kohn và Nirenberg [5] đã cải tiến kết quả của Scheffer, còn F. H. Lin [6] đã cho những chứng minh đơn giản các kết quả của Caffarelli, Kohn, Nirenberg.

Định lý về tính chính quy từng phần của nghiệm yếu trong [4], [5], [6] liên quan đến một tương tự parabolic của độ đo Hausdorff của tập kì dị của nghiệm yếu. *Tập kì dị* của một nghiệm yếu u chứa các điểm $(x, t) \in \mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}$ sao cho u là không giới nội trong từng lân cận của (x, t) . Như vậy, nếu điểm (x, t) không thuộc tập kì dị và hàm f là trơn thì ta có thể xem u là hàm trơn tại lân cận của điểm (x, t) .

Để định nghĩa một tương tự parabolic của độ đo Hausdorff, ta sẽ sử dụng Hình trụ parabolic $Q_r = B_r \times I_r \subset \mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}$, trong đó $B_r \subset \mathbf{R}^3$ là hình cầu bán kính r , còn $I_r \subset \mathbf{R}$ là khoảng có độ dài r . Cho một tập $E \subset \mathbf{R}^3 \times \mathbf{R}$ và $\delta > 0$, ta đặt

$$P_{k,\delta}(E) = \inf \left\{ \sum_{i=1}^{\infty} r_i^k : Q_{r_1}, Q_{r_2}, \dots \text{ phủ } E, \text{ và mỗi } r_i < \delta \right\},$$

và định nghĩa

$$P_k(E) = \lim_{\delta \rightarrow 0^+} P_{k,\delta}(E),$$

trong đó k là một số thực dương nào đó.

Bây giờ ta có thể phát biểu một cách thô các kết quả của [5], [6] như sau.

Định lý. (I). Cho u là nghiệm yếu của hệ phương trình Navier-Stokes thỏa mãn độ tăng hợp lý và E là tập kì dị của u . Khi đó $P_{5/3}(E) = 0$.

(II). Với u_o là trường véc tơ, $\operatorname{div} u_o = 0$ và $f(x, t)$ thoả mãn (4) và (5), tồn tại một nghiệm yếu của bài toán (1), (2), (3) với điều kiện độ tăng như trong (I).

Như vậy, tập kì dị của nghiệm yếu u không thể chứa các đường cong dạng $\{(x, t) \in \mathbf{R}^3 \times \mathbf{R} : x = \phi(t)\}$. Điều này có nghĩa nghiệm yếu là khả vi vô hạn trong $\mathbf{R}^3 \times [0, \infty)$ trừ đi những tập E có độ đo $P_{5/3}(E) = 0$. Đây là kết quả tốt nhất về tính chính quy của nghiệm của hệ phương trình Navier-Stokes. Nhưng theo các nhà chuyên môn thì không thể đi xa hơn nữa theo hướng này. Muốn giải được bài toán về tồn tại nghiệm trơn của hệ phương trình Navier-Stokes, chúng ta cần phải có cách tiếp cận mới, ý tưởng mới và phương pháp mới.

Trong lịch sử toán học thế giới, nhiều nhà toán học làm việc trong lĩnh vực phương trình vi phân đạo hàm riêng, nhờ giải quyết những bài toán hóc búa của lĩnh vực này mà được nhận giải thưởng Phin (tương đương với giải Nobel cho các ngành khoa học khác), như L. Schwartz, L. Hormander, C. Fefferman, P. L. Lions... Bài toán về tồn tại nghiệm trơn của hệ phương trình Navier-Stokes là một thách thức lớn đối với những người làm toán trong thế kỷ 21 này.

Tài liệu tham khảo

1. C. Fefferman, Existence and Smoothness of the Navier-Stokes Equations, Preprint of Clay Mathematics Institute, 2000.
2. O. Ladyzhenskaya, The Mathematical Theory of Viscous Incompressible Flows (in Russian), Moscow, 1961.
3. J. Leray, Sur le Mouvement d'un Liquide Visqueux Emplissent l'Espace, Acta Math. J. 63 (1934), 193-248.
4. V. Scheffer, Turbulence and Hausdorff Dimension, Lecture Note in Math., 565(1976), 94-112.
5. L. Caffarelli, R. Kohn and L. Nirenberg, Partial Regularity of Suitable Weak Solutions of the Navier-Stokes Equations, Comm. Pure & Appl. Math. 35 (1982), 771-831.
6. F. Lin, A New Proof of the Caffarelli- Kohn- Nirenberg Theorem, Comm. Pure & Appl. Math. 51 (1998), 241-257.

Giới thiệu cơ sở đào tạo mới

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - ĐHXD HÀ NỘI

Doãn Tam Hòa (ĐHXD Hà Nội)

Ngày 7-2-2001 Khoa Công nghệ Thông tin trực thuộc Trường Đại học Xây dựng được thành lập theo QĐ ngày 22-1-2001 của Bộ GD&ĐT, trên cơ sở hai bộ môn Toán học và Tin học. Nhà trường cử PGS-TS Doãn Tam Hòa làm Trưởng khoa và TS. Hoàng Nghĩa Tý làm Phó Trưởng khoa.

Bộ môn Toán ĐHXD nguyên là một nhóm 8 thầy cô được tách ra từ bộ môn Toán ĐHBKHN năm 1966. Đã có 55 các bộ từng công tác tại bộ môn, trong đó có 5 PGS, 11 TS. Hiện nay bộ môn có 26 thầy cô (2 PGS, 6 TS, 8 ThS). Trưởng bộ môn là TS. Trịnh Danh Đăng, Phó trưởng bộ môn là GVC. Nguyễn Văn Hột. Bộ môn Toán đảm nhiệm giảng dạy toán chung trong Trường, phục vụ đào tạo đại học và cao học kỹ thuật, cao học ngành kinh tế xây dựng. Đồng thời bộ môn cũng là cơ sở đào tạo cao học về Toán ứng dụng. Đã có 14 thạc sĩ Toán ứng dụng tốt nghiệp. Bộ môn đã có 1 người bảo vệ PTS trong nước (năm 1977) và có nhiều đóng góp trong việc đào tạo cán bộ giảng dạy của trường và cho các trường đại học kỹ thuật khác (như đào tạo thạc sĩ hình họa và vẽ kỹ thuật, thạc sĩ cơ học ứng dụng, cán bộ giảng dạy cơ học công trình,...).

Bộ môn Tin học nguyên là bộ môn máy tính ra đời năm 1970. Trước kia bộ môn chỉ giảng dạy tin học đại cương. Từ 1991 bộ môn bắt đầu đào tạo kỹ sư xây dựng thuộc chuyên ngành tin học xây dựng, đến nay đã có 4 khóa gồm 124 sinh viên tốt nghiệp. Đã có hơn 20 cán bộ từng công tác tại bộ môn, trong đó có 3 PGS và 8 TS. Hiện nay bộ môn có 13 cán bộ trong đó có 3 TS và 3 ThS do

TS. Hoàng Nghĩa Tý làm Trưởng bộ môn và ThS. Vũ Trường Sơn làm Phó trưởng bộ môn. Ngay từ những năm 1970 bộ môn Tin học ĐHXD đã có nhiều thành tích nghiên cứu khoa học, đặc biệt là xây dựng phần mềm tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và đào tạo.

Để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học về tin học, Trường ĐHXD còn có 3 phòng máy tính thực hành, 2 phòng máy tính nghiên cứu và Trung tâm tin học xây dựng.

Theo quyết định ngày 19-2-2001 Bộ GD&ĐT cho phép Khoa CNTT mở ngành mới đào tạo kỹ sư công nghệ thông tin bên cạnh việc đào tạo kỹ sư xây dựng chuyên ngành Tin học xây dựng (với 297 sinh viên đang theo học). Dự kiến trong năm học 2001-2002 ngành mới sẽ chiêu sinh 150 sinh viên. Ngoài ra sẽ mở ra các hình thức đào tạo khác (đào tạo ngắn hạn, tại chức, cao đẳng, song bằng, bằng 2, cao học về tin học chung và về tin học xây dựng). Sau 5 năm dự tính số sinh viên trong Khoa khoảng trên dưới 1000 người.

Trước đòi hỏi phát triển của Khoa, trong vài năm tới đây Khoa CNTT ĐHXD sẽ tăng số cán bộ giảng dạy lên gấp 1,5 - 2 lần, số bộ môn dự tính sẽ hơn 2 lần, sẽ tự đào tạo và cử người đi đào tạo trên đại học khoảng 10-15 cán bộ giảng dạy trẻ. Ngay trong năm nay nhà trường sẽ cải tạo và nâng cấp các phòng máy tính thực hành, lập thư viện riêng cho Khoa và trang bị các thiết bị dạy học hiện đại cho Khoa (máy chiếu, video và máy ảnh số, máy tính cho phòng học, ...). Đưa số giờ làm việc của các phòng máy và thư viện lên trên 10 giờ/ngày. Xây dựng các phòng thực hành mở trong đó có các thiết bị như máy in, máy vẽ..., có các phần mềm chuyên dụng phục vụ thiết kế, xây dựng phần mềm... để sinh viên có thể đến làm việc theo yêu cầu.

GIẢI THƯỞNG KHOA HỌC VIỆN TOÁN HỌC 2001

Như thông báo đã đưa trong THÔNG TIN TOÁN HỌC Tập 1 Số 2 (1997), tr. 10, Giải thưởng khoa học Viện toán học được trao 2 năm một lần, vào các năm lẻ. Chúng tôi xin nhắc lại ở đây những nội dung chính:

1. Mọi cán bộ nghiên cứu và giảng dạy toán học của Việt Nam, tuổi đời không quá 40 (sinh từ năm 1961 trở về sau) đều có quyền đăng kí xét thưởng.

2. Người được Giải thưởng sẽ được nhận một Giấy chứng nhận và 5.000.000 VNĐ.

Hồ sơ đăng kí xét thưởng gồm:

1. Lí lịch khoa học.
2. Danh mục công trình nghiên cứu đã công bố.
3. Một số (không quá 5) công trình tiêu biểu.
4. Một bản giới thiệu thành tích nghiên cứu khoa học của người đăng kí (do đơn vị công tác của người đó viết)

Lịch xét Giải thưởng khoa học Viện Toán học 2001:

1. Hạn nhận hồ sơ: đến hết ngày 30/9/2001.
2. Giải thưởng sẽ được công bố vào 30/11/2001.

Những người đã đăng kí tham dự Giải thưởng vào các năm trước nhưng chưa được trao giải thưởng, nếu sinh từ năm 1961 trở về sau, vẫn có thể đăng kí tham dự Giải thưởng 2001. Trong trường hợp đó, người đăng kí chỉ cần gửi thư khẳng định nguyện vọng đăng kí tham dự Giải thưởng 2001 và những thông tin mới nhất (nếu có) về kết quả nghiên cứu.

Hồ sơ xin gửi về địa chỉ

Ngô Việt Trung
Viện Toán học
Hộp thư 631 Bờ Hồ Hà Nội
Fax: (04)8343303
E-mail: nvtrung@thevinh.ncst.ac.vn

*Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2000**

Hội đồng Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2000 gồm các ông:

- GS Hà Huy Khoái, Viện Toán học, Chủ tịch.
- GS Đỗ Long Vân, Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam, uỷ viên.
- GS Phạm Thế Long, Phó chủ tịch kiêm tổng thư kí HTHVN, uỷ viên.
- PGS Vũ Dương Thụy, Phó chủ tịch Hội giảng dạy Toán học, uỷ viên.
- TS Nguyễn Việt Hải, Trưởng ban

biên tập báo TH & TT, uỷ viên.

Việc tuyển chọn của Hội đồng năm nay rất khó khăn, vì số giáo viên và học sinh xứng đáng được trao giải thưởng quá nhiều, mà do nhiều lí do khác nhau, không thể trao quá 6 giải thưởng. Sau khi cân nhắc kĩ lưỡng, Hội đồng quyết định trao 6 Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2000 cho các thầy giáo và học sinh có tên dưới đây:

* Xem giới thiệu về Giải thưởng và Quỹ Lê Văn Thiêm trong Tập 1 số 1 (1997), tr. 6-7. Bản tin này do GS Hà Huy Khoái cung cấp.

1. **Nhà giáo Hoàng Hoa Trại**, trường chuyên Lê Khiết, Quảng Ngãi.

Thành tích: Nhiều năm liên tục giảng dạy Toán ở vùng còn gặp nhiều khó khăn, trong đó có nhiều năm liên tiếp có số học sinh trong lớp đỗ đại học 100%, nhiều em đạt điểm tối đa về môn Toán. Tham gia tích cực vào công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, là cộng tác viên tích cực của Báo Toán học và tuổi trẻ gần 30 năm nay, tham gia bồi dưỡng Đội tuyển Olympic toán quốc tế. Đã trực tiếp bồi dưỡng được 10 em đoạt giải quốc gia ở THCS, 4 em đoạt giải quốc gia ở THPT, 2 em đoạt giải Olympic Châu Á - Thái Bình Dương, 1 em đoạt Huy chương bạc Olympic toán quốc tế.

2. **Bùi Việt Lộc**, học sinh Khối chuyên Toán - Tin, ĐHKHTN, ĐHQG HN.

Thành tích: Đạt nhiều giải Thành phố và Toàn quốc cấp THCS, giải nhất toàn quốc THPT năm 1999, Huy chương bạc Châu Á - Thái Bình Dương năm 2000, Huy chương vàng Olympic quốc tế 2000.

3. **Đỗ Đức Nhật Quang**, học sinh Khối chuyên Toán - Tin, ĐHKHTN, ĐHQG HN.

Thành tích: Đạt nhiều giải Thành phố và Toàn quốc cấp THCS, giải nhì toàn quốc 1999, giải nhất toàn quốc 2000, Huy chương vàng Olympic quốc tế 2000.

4. **Nguyễn Phi Lê**, học sinh Trường THPT Lam Sơn, Thanh Hoá.

Thành tích: Là học sinh nữ, gia đình nghèo (bố mẹ là giáo viên tiểu học ở xã Hoàng Lộc, Hoàng Hoá, Thanh Hoá), đã

Quý Lê Văn Thiêm chân thành cảm ơn các nhà toán học sau đây đã nhiệt tình ủng hộ (tiếp theo danh sách đã công bố trong các số Thông tin toán học trước đây, số ghi cạnh tên người ủng hộ là số thứ tự trong Sổ vàng của Quý):

64. Ngô Bảo Châu, Universite Paris 13 (lần 2): 500.000 đ

65. My Vinh Quang, ĐHSP TP HCM: 200.000 đ

66. Ngô Văn Lược, Vietsopetro (lần 2): 1.000.000 đ

khắc phục khó khăn, đạt thành tích xuất sắc: giải nhì toàn quốc 2000, Huy chương bạc Olympic quốc tế 2000. Đây là học sinh nữ đầu tiên được trao Giải thưởng Lê Văn Thiêm.

5. **Trần Quốc Nam**, học sinh trường THPT Bến Tre.

Thành tích: Là học sinh ở một vùng gặp rất nhiều khó khăn, gia đình nghèo (bố là công nhân, mẹ là cán bộ xã). Khi còn là học sinh lớp 11 đã đạt giải nhì toàn quốc THPT 2000, Huy chương bạc Olympic 30-4 (giành cho các tỉnh phía Nam)

6. **Trần Tuấn Anh**, học sinh trường THPT Lê Quý Đôn, Khánh Hoà.

Thành tích: sinh ra trong gia đình nông dân, thuộc diện xoá đói giảm nghèo của địa phương, nhưng đã giải nhì quốc gia THCS, giải nhì quốc gia THPT 1999, giải ba quốc gia THPT 2000, Huy chương vàng Olympic 30-4 1998, giải khuyến khích Châu Á - Thái Bình Dương 2000. Ngoài ra đoạt nhiều giải của Báo Toán học và Tuổi trẻ: giải xuất sắc 1996, 1997, giải ba 1998, giải xuất sắc 1999, giải nhì cuộc thi kỉ niệm 35 năm Báo TH&TT.

Đây là Giải thưởng Lê Văn Thiêm do Báo TT & TT tài trợ. Giải này có thể được xét trao hàng năm cho một học sinh vượt khó khăn, đạt thành tích xuất sắc và có nhiều đóng góp xây dựng báo TH & TT.

67. Viện Toán học (lần 2): 5.000.000 đ

Quý Lê Văn Thiêm rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý báu của các cơ quan và cá nhân. Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ:

Hà Huy Khoái

Viện Toán học

Hộp thư 631 Bờ Hồ, 10000 Hà Nội

E-mail:hhkhoai@thevinh.ncst.ac.vn

TRƯỜNG THU LẦN THỨ NHẤT VỀ HỆ MỜ VÀ ỨNG DỤNG (Hà Nội, 9 □12/8/ 2000)

Lê Bá Long (HV CN Bưu chính Viễn thông)
và Lương Cao Đông (ĐH mở HN)

Trường Thu được tổ chức bởi

- Viện Toán học Hà nội (VTH)
- Học viện công nghệ bưu chính, viễn thông (BCVT)
- Phân hội “ Hệ mờ Việt nam ”, trực thuộc Hội Toán học Việt nam (HHM)

Ban Tổ chức gồm:

Trần Đức Vân (VTH, Trưởng ban), Nguyễn Kim Lan (BCVT, đồng Trưởng ban), Phạm Kỳ Anh (ĐHQGHN), Bùi Công Cường (VTH & HHM , Thư ký) Nguyễn Cát Hồ (VCNTT), Nguyễn Quang Hoan (BCVT), Phạm Thế Long (HVKTQS), Lê Bá Long (BCVT), Nguyễn Hoàng Phương (HHM), Lê Thanh Quang (HHM), Tống Đình Quý (ĐHBK), Nguyễn Ngọc San (BCVT), Nguyễn Khoa Sơn (VTH), Lê Công Thành (VTH), Nguyễn Thanh Thủy (ĐHBK).

Trong 4 ngày làm việc khẩn trương, người dự đã được nghe các bài giảng rất bổ ích về một phương hướng rất hiện đại : các hệ mờ, công nghệ mờ ,mạng nơ ron và ứng dụng. Đó là **các bài giảng**

Hoàng Tụy: *Thuật toán di truyền*

Bùi Công Cường: *Kiến thức cơ sở của hệ mờ*

Phần 1: Tập mờ, logic mờ và hệ mờ ; Phần 2:

Mạng nơ ron nhân tạo và hệ mờ

Nguyễn Doãn Phước: *Điều khiển mờ và ứng dụng*

Nguyễn Cát Hồ: *Tập mờ, logic mờ và lập luận xấp xỉ*

Phan Đình Diệu: *Tri thức mờ hồ: logic mờ và lý thuyết khả năng*

Nguyễn Quang Hoan: *Mạng nơ ron nhân tạo và ứng dụng*

Nguyễn Thanh Thủy: *Giải thuật toán di truyền trong các hệ tính toán mềm và ứng dụng*

Đặng Quang Á: *Ứng dụng mạng nơ ro trong tính*

Trần Đình Khang: Một phương pháp giải bài toán suy diễn mờ tổng quát thông qua nội suy mờ và tích hợp mờ

Đỗ Văn Thành: *Lý thuyết khả năng và một số vấn đề mờ*

Lê Bá Long: *Các liên kết mờ*

Bùi Công Cường: *Hệ mờ nơ ron : mấy vấn đề hiện đại.*

Ngoài ra trong Trường Thu còn có **các thông báo kết quả nghiên cứu**

Phạm Thị Thu Hương: *Ứng dụng lập luận mờ vào hệ trợ giúp chuẩn đoán kỹ thuật các phương tiện giao thông vận tải*

Phan Xuân Minh, Lê Minh Kiên và Nguyễn Minh Tường: *Thiết kế hệ mờ lai điều khiển nhiệt độ lò điện trở*

Nguyễn Quang Hoan: *Mở rộng mô hình mạng Hopfield đa tương tác*

Bùi Công Cường: *Một vài lớp F-luật trong lập luận dựa trên logic xác suất giá trị khoảng*

Đinh Thủy Lan: *Một ứng dụng của lập luận mờ trong phân loại các đối tượng phòng cháy, chữa cháy*

Nguyễn Quang Hoan: *Sử dụng mạng nơ ron cho điều khiển lưu lượng đường truyền viễn thông*

Bùi Công Cường, Đinh Trọng Hiếu và Lê Thanh Quang: *Một vài tính chất của lớp t-chuẩn có ngưỡng*

Bùi Công Cường: *t-chuẩn có trọng số và ứng dụng*

Đoàn Văn Ban, Đặng Văn Hưng và Hồ Văn Hương: *Kiểm chứng hình thức điều khiển tương tranh sử dụng logic tính toán khoảng*

Lê Tiến Dũng và Nguyễn Phan Quang: *Tích hợp ba mô hình đánh giá trong bài toán lấy quyết định hội đồng*

Nguyễn Quang Hoan: *Ứng dụng mạng nơ ron trong điều khiển robot*

Đỗ Văn Thành và Phạm Thọ Hoàn: *Một cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện tri thức trong các cơ sở dữ liệu-trợ giúp quyết định*

Trường thu Hệ mờ và ứng dụng lần thứ nhất đã được hưởng ứng của hơn 120 học viên là các cán bộ nghiên cứu, các giảng viên trẻ của các trường Đại học và rất đông học sinh cao học , sinh viên các năm cuối của các ngành: Công nghệ thông tin, Tin học, Bưu chính viễn thông và Toán ứng dụng

Trường Thu về Hệ mờ và ứng dụng lần thứ 2 sẽ tổ chức vào tháng 8/ 2001 tại Hà nội.

Địa chỉ liên hệ: Bùi Công Cường, Viện Toán học, Hòm thư 631, Bờ hồ, Hà Nội, e-mail: bccuong@hanimath.ac.vn

TIN TỨC HỘI VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG TOÁN HỌC

LTS: Để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng các nhà toán học Việt Nam, Tòa soạn mong nhận được nhiều thông tin từ các hội viên HTHVN về chính bản thân mình, cơ quan mình hoặc đồng nghiệp của mình.

Trách nhiệm mới

GS-TSKH Hà Huy Khoái được bổ nhiệm làm Viện trưởng Viện Toán học từ ngày 01 tháng 3 năm 2001. Ông sinh ngày 24/11/1946 tại Hà Tĩnh. Tốt nghiệp Khoa Toán ĐHTH Hà Nội năm 1967 và bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Viện Toán học Steklov Viện HLKH Liên Xô (cũ) năm 1978 dưới sự hướng dẫn của Viện sĩ Liên xô, nhà toán học nổi tiếng I. Manin. Năm 1984 Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ Khoa học cũng tại Viện Toán học Steklov Viện HLKH Liên Xô (cũ). Năm 1984 được Nhà nước phong PGS và năm 1991 được phong GS. Từ tháng 5/2000 Ông giữ chức Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Toán học (trước đó Ông thường xuyên là uỷ viên và đã từng giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng KH Viện). Ông là chủ tịch Hội đồng xét Giải thưởng Lê Văn Thiêm do Hội Toán học Việt Nam sáng lập. Hiện nay Ông cũng là uỷ viên BCH Hội THVN. Ông là một chuyên gia về Lý thuyết số và đã đào tạo 5 Tiến sĩ.

PGS-TS Doãn Tam Hòe được bổ nhiệm làm Trưởng khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Xây dựng Hà Nội từ tháng 2 năm 2001. Ông sinh ngày 22/4/1943 ở làng quê hiếu học của Thái Bình (làng Ngoại Lãng, quê của 2 anh em trạng nguyên Đỗ Khiêm và Tiến sĩ Đỗ Oánh). Sau khi tốt nghiệp Khoa Xây dựng (cũ) của Đại học Bách khoa Hà Nội, từ năm 1966 Ông là cán bộ giảng dạy Toán tại Đại học Xây dựng. Những năm cuối chiến tranh chống Mỹ ông vào bộ đội. Năm 1975 trở lại giảng dạy Toán. Tháng 10 năm 1985 bảo vệ Tiến sĩ chuyên ngành Logic - Đại số - Lý thuyết số tại ĐHTH Leningrad (Liên Xô

cũ). Sau khi về nước, Ông đã từng giữ các chức vụ: chuyên viên quản lí khoa học và thư ký Hội xây dựng của Trường, chủ nhiệm Bộ môn Toán (1989-1993). Tháng 9 năm 1991 được phong PGS. 1995-2001 là Phó Trưởng phòng rồi Trưởng phòng KHCN trường ĐHXD. Hiện là uỷ viên Ban chấp hành Hội ứng dụng Toán học.

TS. Trần Quyết Thắng vừa được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ tháng 2/2001. Anh sinh năm 1957 tại Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Tốt nghiệp Khoa Toán, ĐHSP Vinh năm 1980 và được giữ lại giảng dạy tại đây. Bảo vệ luận án PTS. Toán — Lý chuyên ngành Phương trình vi phân và tích phân tại ĐHBK Hà nội vào năm 1994. Từ 1994-1996 là Phó Chủ nhiệm Khoa Toán, ĐHSP Vinh. Từ 1997-2001 là Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Hà Tĩnh. Anh là Tỉnh uỷ viên Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2001-1005.

GS-TSKH Nguyễn Duy Tiến được cử làm Trưởng ban điều hành Hệ đào tạo Cử nhân Khoa học tài năng thuộc Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội từ tháng 02/2001. Ông sinh ngày 01/11/1942, quê Thanh Trì - Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1965, bảo vệ luận án Tiến sĩ tại ĐHTH Tbilisi năm 1974. Năm 1983 bảo vệ luận án Tiến sĩ khoa học tại ĐHTH Wroclaw (Ban Lan). Năm 1984 được phong là PGS và năm 1991 được phong là GS. Ông đã từng giữ chức chủ nhiệm Khoa Toán của trường, và hiện là Phó Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam (từ 1999). Ông là chuyên gia về Lý thuyết Xác suất và Thống kê.

Hội nghị, Hội thảo

LTS: Mục này dành để cung cấp thông tin về các hội nghị, hội thảo sắp được tổ chức trong nước và quốc tế mà anh chị em trong nước có thể (hi vọng xin tài trợ và) đăng kí tham gia. Các ban tổ chức hội thảo, hội nghị có nhu cầu thông báo đề nghị cung cấp thông tin kịp thời về toà soạn. Các thông tin này có thể được in lặp lại.

2001 International Conference on Optimization and Optimal Control, National Cheng-King Univ. Taiwan (Đài Loan), 1-4/6/2001. Liên hệ: Professor S.Y. Wu (icooc@math.ncku.edu.tw).

Fax: 04 869 2006
Email: Lehung@netnam.org.vn
http://members.tripod.de/LHViet/conference_asia.htm
(xem chi tiết thông báo đăng trong số này)

Hội thảo Quốc gia: **Một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin. Chủ đề: Đào tạo nhân lực cho công nghệ phần mềm,** Hải Phòng, 7 - 9/6/ 2001. *Liên hệ:* Ngô Quốc Tạo, Viện công nghệ Thông tin, Đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. ĐT: 7560537, E-mail: nqtao@ioit.ncst.ac.vn *hoặc* Phùng Văn ổn, Trường Đại học Hàng Hải, số 484 Lạch Tray, Hải Phòng. ĐT: 031 735725 - 091243623, E-mail: onpv@hn.vnn.vn (xem chi tiết thông báo đăng trong số này)

Seventh Annual International Computing and Combinatorics Conference, Guilin, China, 20-22/8/2001. Liên hệ và thông tin: <http://cocoon01.uncg.edu/>

2001 International Symposium on Distributed Computing and Applications to Business, Engineering and Science (DCABES 2001), Wuhan (Trung Quốc) 15-19/10/2001. Liên hệ: Prof. Qingping GUO, qpguo@public.uh.hb.cn

Singapore International Symposium on Topology and Geometry, Singapore 2-6/7/2001 and **Singapore-Warwick Workshop in Geometry and Topology,** 9-13/7/2001. Liên hệ: sistag@math.nus.edu.sg hoặc xem: <http://www.math.nus.edu.sg/sistag.html> và <http://www.math.nus.edu.sg/~office/swimsworkshop.html>

Trường quốc tế - CIMPA School: Lý thuyết điều khiển và Hệ khả tích, Hà Nội 26/11-7/12/20001. *Liên hệ:* PGS TSKH Phạm Kỳ Anh, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Tel. (84-4) 8581135, Fax. (84-4) 8588817, E-mail anhpk@vnuh.edu.vn (xem chi tiết thông báo trong số này)

AWOCA 2001: the 12th Australian workshop on combinatorial algorithm, Bandung (Indonesia), 14-17/7/2001; Liên hệ: ebaskoro@bdg.centrin.net.id

Hội nghị quốc tế DEAA-2001: Phương trình vi phân, lý thuyết xấp xỉ và ứng dụng, Hà Nội 10-15/12/2001. *Liên hệ:* PGS TSKH Phạm Kỳ Anh, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Tel. (84-4) 8581135, Fax. (84-4) 8588817, E-mail deaa-2001@mathhnu.netnam.vn (xem chi tiết thông báo trong số này)

The second International Conference on Nonlinear Analysis and Convex Analysis, Hirosaki, Nhật bản, 30/7 - 2/8/2001. Liên hệ: Tamaki Tanaka (sltana@cc.hirosaki-u.ac.jp); <http://sci.hirosakiu.ac.jp/~naca2001/>

Spring School: Frobenius manifolds in Mathematical Physics, MRI, Univ. Twente (Hà Lan) 5/2002. Liên hệ: mri@sci.kun.nl hoặc <http://www.sci.kun.nl/mri/>

Finite or Infinite Dimensional Complex Analysis and Applications, Hanoi, 8 - 12/8, 2001. *Liên hệ:* GS-TSKH. Lê Hùng Sơn, TS. Tống Đình Quì, Khoa Toán, ĐHBK Hà Nội, 1 Đại Cồ Việt, Hà Nội,

Thông báo số 1

Hội thảo Quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin
Chủ đề: Đào tạo nhân lực cho công nghệ phần mềm
Hải Phòng, 7 - 9 tháng 6 năm 2001

Mục đích: Nhằm thúc đẩy sự phát triển Công nghệ phần mềm Việt Nam, tạo diễn đàn cho những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, sản xuất phần mềm công bố các kết quả của mình và giao lưu khoa học.

Các cơ quan tổ chức: ĐH Hàng Hải Việt Nam (*cơ sở đăng cai*), Viện Công nghệ Thông tin, Sở KHCN và MT Hải Phòng, ĐHQG Hà Nội (Khoa Công nghệ), ĐH Khoa học Huế, HV Bưu chính Viễn thông (BCVT), ĐHQG Tp. HCM (Khoa CNTT)

Các cơ quan tài trợ: ngoài các cơ quan tổ chức còn có Công ty Intel

Nội dung: Công nghệ phần mềm; Công nghệ tri thức, nhận dạng và xử lý ảnh; Công nghệ mạng và đa phương tiện; An toàn dữ liệu; Cơ sở Toán học của Tin học; Đào tạo nhân lực trong công nghệ phần mềm.

Địa điểm: Trường Đại học Hàng hải, số 484 Lạch Tray, Thành phố Hải Phòng

Ban tổ chức: Trần Đắc Sửu (ĐH HH, *Trưởng ban*); Lê Quốc Định (ĐH HH), Nguyễn Mậu Hân (ĐHKH Huế), Nguyễn Văn Hiệu (ĐHQG HN), Nguyễn Xuân Huy (Viện CNTT), Bạch Hưng Khang (Viện CNTT), Hoàng Kiếm (ĐHQG Tp HCM), Lương Chi Mai (Viện CNTT), Đào Việt Tác (Sở KHCNMT HP), Lê Mạnh Thạnh (ĐHKH Huế), Trịnh Anh Tuấn (HV BCVT), Phạm Ngọc Tuyền (ĐH HH).

Ban chương trình: Bạch Hưng Khang (Viện CNTT, *Trưởng ban*); Nguyễn Xuân Huy (Viện CNTT, *Phó trưởng ban*); Đoàn Văn Ban (Viện CNTT), Hồ Sỹ Đàm (ĐHQG HN), Đặng Văn Đức (Viện CNTT), Nguyễn Đức (HV BCVT), Lê Hải Khôi (Viện CNTT), Nguyễn Bá Kim (ĐHSP HN1), Phùng Văn Ổn (ĐH HH, *Thư ký*), Ngô Quốc Tạo (Viện CNTT, *Thư ký*), Vũ Đức Thi (Viện CNTT), Hồ Thuần (Viện CNTT), Nguyễn Quốc Toàn (ĐHQG HN), Bùi Thanh Tùng (Sở KHCNMT HP).

Liên hệ, gửi đăng kí tham dự: Ngô Quốc Tạo, Viện công nghệ Thông tin, Đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. ĐT: 7560537, E-mail: nqtao@ioit.ncst.ac.vn

Hoặc: Phùng Văn Ổn, Trường Đại học Hàng Hải, số 484 Lạch Tray, Hải Phòng. ĐT: 031 735725 - 091243623, E-mail: onpv@hn.vnn.vn

Một số thông tin cần thiết: Hội nghị phí: 100.000 đồng/đại biểu (miễn phí đối với sinh viên tham gia báo cáo).

Hạn cuối cùng nhận đăng ký hội thảo và tóm tắt báo cáo: 15/4/2001.

Phiếu đăng kí hội thảo quốc gia
Một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin

Họ và tên: _____ Cơ quan: _____
Địa chỉ liên lạc: _____ Điện thoại/e-mail: _____
Có tham gia báo cáo: Có Không
Tên báo cáo: _____
Kí tên: _____

(Khuyến khích gửi đăng kí và báo cáo qua E-mail)

Trường quốc tế - CIMPA School
**LÝ THUYẾT ĐIỀU KHIỂN
VÀ HỆ KHẢ TÍCH**
Hà Nội, 26/11 - 7/12 - 2000

Nội dung: Lý thuyết điều khiển và hệ khả tích. Các kỹ thuật mới dựa trên Đại số vi phân và đánh giá đáng điều tiệm cận. Phương pháp giải phương trình vi phân.

Mục đích: Giới thiệu một số hướng nghiên cứu hiện đại cho các sinh viên giỏi, các nhà khoa học trẻ. Trường quốc tế cũng là một hoạt động tuyên truyền về toán học và ứng dụng của nó trong khu vực ĐNÁ.

Địa điểm: Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

Ban điều hành: Jean-Pierre Ramis, Trường ĐHTH Paul Sabatier, Toulouse (Pháp), Phạm Kỳ Anh, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, Đinh Dũng, Viện Công nghệ thông tin, Trung tâm KHTN & CNQG.

Ban Tổ chức: Phạm Kỳ Anh, Nguyễn Hữu Công, Đinh Dũng, Nguyễn Hữu Dư, Vũ Hoàng Linh, Nguyễn Văn Minh, Jean-Pierre Ramis, Nguyễn Minh Tuấn.

Ngôn ngữ sử dụng tại Trường quốc tế: Tiếng Anh.

Đối tượng tham dự: Sinh viên Hệ Cử nhân Khoa học tài năng, sinh viên năm cuối ngành Toán, Khoa Toán-Cơ-Tin học cũng như học viên Cao học, NCS và các nhà Toán học trẻ.

Số lượng học viên: Khoảng 50 người.

Chương trình học tập:

Tuần 1: Các phương pháp song song giải phương trình vi phân (Giảng viên- GS van der Houwen). Một số kiến thức chuẩn bị về phương trình vi phân trong miền phức, hàm đặc biệt, hệ Hamilton, đại số, v.v... (Giảng viên J.P. Ramis, J.A. Weil và một số cán bộ của Viện Toán học, Trường ĐHKHTN).

Tuần 2: Nhập môn Đại số vi phân (GS J.A. Weil). Tiệm cận Gevrey (GS Canalis-Durand). Hệ det và lý thuyết điều khiển (GS Rouchon). Hệ Hamilton (GS Ramis).

Thời hạn nhận đăng ký tham dự: Trước 3-9-2001, gửi cho PGS TSKH Phạm Kỳ Anh, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Tel. (84-4) 8581135, Fax. (84-4) 8588817, E-mail anhpk@vnuh.edu.vn.

Hội nghị quốc tế DEAA-2001
**PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN,
LÝ THUYẾT XẤP XỈ VÀ
ỨNG DỤNG**
Hà Nội 10-15/12/2001

Nội dung: Phương pháp số giải phương trình vi phân. Đáng điều tiệm cận của nghiệm phương trình vi phân. Xấp xỉ Wavelets và ứng dụng trong xử lý ảnh. Toán sinh và Tính toán sinh học.

Mục đích: Trao đổi chuyên môn giữa các nhà khoa học. Tăng cường hợp tác và khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng toán học trong nước và khu vực ĐNÁ.

Hội nghị được coi là một trong những hoạt động chủ yếu của Hội Toán học Việt nam và Hội Toán học Đông Nam Á trong năm 2001.

Địa điểm: Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

Ban tổ chức: Phạm Kỳ Anh, Nguyễn Hữu Công, Đinh Dũng, Nguyễn Hữu Dư, P.J. van der Houwen, Vũ Hoàng Linh, Lee Seng Luan, Nguyễn Văn Mậu, Nguyễn Văn Minh, R. Nagel, T. Naito, J.P. Ramis, Nguyễn Minh Tuấn.

Các nhà khoa học sau đây đã nhận đọc báo cáo tại Hội nghị:

G. Vanden Berghe (Belgium), N.H. Cong (Vietnam), D.Dung (Vietnam), K. Engel (Italy), T. Furumochi (Japan), Y. Hino (Japan), P.J. van der Houwen (The Netherlands), Z. Jackiewicz (USA), K.R. Jackson (Canada), T. Kako (Japan), Lee Seng Luan (Singapore), R. Maerz (Germany), N.V. Minh (Vietnam), T. Mitsui (Japan), R. Miyazaki (Japan), S. Murakami (Japan), R. Nagel (Germany), T. Naito (Japan), T.V. Nhung (Vietnam), J.P. Ramis (France), R. Schnaubelt (Germany), Jong Son Shin (Japan), Sen Yen Shaw (Taiwan), Y. Takeuchi (Japan), Q.P. Vu (USA), R. Weiner (Germany).

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phạm Kỳ Anh, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Tel: 04 8581135, Fax: 04 8588817, E-mail: deaa-2001@mathhnu.netnam.vn Thông tin chi tiết về Hội nghị có trên Internet <http://matha.eone.uec.ae.jp/~minh/interconf.htm>



**FINITE OR INFINITE DIMENSIONAL COMPLEX
ANALYSIS AND APPLICATIONS (9TH ICFIDCAA 2001)
Hanoi, 8 - 12/8, 2001**

Organized by: Hanoi University of Technology (HUT)

and: Institute of Mathematics (Hanoi), Hanoi University of Natural Sciences, Academia Sinica (China), Hongkong University of Science and Technology (China), Kyushu University (Japan), Technical University of Freiberg (Germany), Technical University of Graz (Austria)

Location: Hanoi University of Technology

Topics include, but are not limited to: Complex Analysis , Infinite dimensional holomorphy
Complex Numerical Analysis , General theory of Analytic Spaces, Geometric Convexity and
Partial Differential Operators , Functional analytic methods in complex analysis and
applications to partial differential equations , Analytic extension and applications, Clifford
Analysis, Quaternionic Analysis, Mathematical Physics, Value distribution theory and related
topics

International Advisory Board : H. Begehr (Free Univ. Berlin), R. P. Gilbert (Univ. Delaware), G. Kaiser (Virginia Centre for Signals and Waves), J. Kajiwara (Kyushu Univ.),
W. Tutschke (Techn. Univ. Graz), C. C. Yang (Hongkong Univ. Sci. Techn.), L. Yang,
(Academia Sinica of Beijing)

Scientific Program Committee: Le Hung Son (chair), Nguyen Huu Anh, Dang Dinh Ang, R. Delanghe, Ha Huy Khoai, M. Morimoto, Tran Van Nhung, Nguyen Van Mau, Hoang Van Phong, K. H. Shon, W. Sproessig, Dao Trong Thi, Nguyen Dinh Tri, Nguyen Thanh Van, Tran Duc Van.

Local Organizing Committee: Hoang Van Phong (chair), Banh Tien Long (secretary), Ha Huy Khoai, Nguyen Van Mau, Tran Van Nhung, Le Hung Son, Nguyen Canh Luong, Tong Dinh Qui.

Deadlines: Registration and submission of abstracts: June 30, 2001

Contact: Registration and requests should be send to

Prof. Dr. Le Hung Son, Dr. Tong Dinh Qui
Department of Mathematics, Hanoi University of Technology
1 Dai Co Viet St., 10000 Hanoi, Vietnam
Fax: +84 4 869 200, Email: Lehung@netnam.org.vn
Website: http://members.tripod.de/LHViet/conference_asia.htm

Plenary Invited Speakers: D. D. Ang, H. Begehr, R. Delanghe, S. Dineen, A. A. Gonchar, K. Guerlebeck, P. C. Hu, J. Keller, V. Kisil, H. H. Khoai, L.H. Khoi, N.V. Luoc, N.V. Mau, M. Morimoto, V. P. Palamodov, M.V. Shapiro, F. Sommen, L. H. Son, K. H. Shon, W. Sproessig, T. Siu, N. Trudinger, W. Tutschke, N. T. Van...

Contribution and Proceedings: The conference will provide invited lectures (45 minutes including discussion) and contributed presentations (30 minutes including discussion). Each contributor must submit a title and an abstract not to exceed one A4-page. Abstracts should be prepared in Latex format. Some contributions will be selected to be published in a proceedings volume of one of the best publishers.

The Registration Fee: is 200USD (100,000VND for Vietnamese citizen)

Remark: We will arrange a tour to Ha Long Bay (about 140 km from Hanoi) on August 11 - 12 (2 days) but the expenses (about 40 US \$) will not be included in the registration fee.

DANH SÁCH HỘI VIÊN ĐÃ ĐÓNG HỘI PHÍ NĂM 2000

Đại học Bách khoa Hà Nội

1	Nguyễn Đình Bình
2	Nguyễn Danh Bình
3	Đình Phú Bông
4	Lê Cường
5	Phan Tăng Đa
6	Bùi Khởi Đàm
7	Nguyễn Đình Đàn
8	Trần Tuấn Điệp
9	Trần Việt Dũng
10	Lê Hải Hà
11	Vũ Thị Ngọc Hà
12	Nguyễn Văn Hộ
13	Trần Xuân Hiến
14	Nguyễn Gia Hùng
15	Hoàng Thị Hiền
16	Nguyễn Thiện Huy
17	Phan Trung Huy
18	Nguyễn Thanh Huyền
19	Đặng Khải
20	Bùi Tuấn Khang
21	Ngô Thế Khánh
22	Nguyễn Viết Thu La
23	Đặng Đình Lãng
24	Phạm Huyền Linh
25	Nguyễn Cảnh Lương
26	Cù Xuân Mão
27	Vũ Thành Nam
28	Nguyễn Đức Nghĩa
29	Nguyễn Xuân Quang
30	Tống Đình Quì
31	Lê Trọng Quỳnh
32	Nguyễn Hồ Quỳnh
33	Phan Hữu Sấn
34	Phạm Thị Sâm
35	Lê Hùng Sơn
36	Ngô Diễm Thanh
37	Lê Quang Thủy
38	Nguyễn Hữu Tiến
39	Trần Xuân Tiếp
40	Nguyễn Đăng Tuấn
41	Bùi Minh Trí
42	Nguyễn Đình Trí
43	Nguyễn Phú Trường
44	Đỗ Quang Vinh
45	Lê Trọng Vinh
46	Phan Chí Văn
47	Dương Quốc Việt
48	Trần Quốc Việt
49	Dương Thủy Vỹ
50	Nguyễn Phi Yến

Đại học Sư phạm Hà Nội

51	Lê Tuấn Anh
52	Khu Quốc Anh
53	Trịnh Tuấn Anh
54	Phạm Khắc Ban
55	Phí Mạnh Ban
56	Trần Anh Bảo
57	Nguyễn Mạnh Cường
58	Đình Nho Chương
59	Nguyễn Văn Cơ
60	Văn Như Cương
61	Doãn Minh Cường
62	Nguyễn Trường Đăng
63	Phạm Bình Đô
64	Nguyễn Văn Đoàn
65	Nguyễn Tiến Đức
66	Nguyễn Minh Hà
67	Lê Thị Hà
68	Lê Mậu Hải
69	Nguyễn Hắc Hải
70	Bùi Huy Hiền
71	Đào Thu Hoà
72	Nguyễn Công Hoan
73	Nguyễn Hữu Hoan
74	Tống Trần Hoàn
75	Nguyễn Đức Hoàng
76	Nguyễn Đức Huy
77	Nguyễn Vũ Quốc Hưng
78	Trần Đình Kế
79	Nguyễn Văn Khải
80	Phạm Văn Kiều
81	Nguyễn Văn Kiến
82	Nguyễn Anh Kiệt
83	Nguyễn Bá Kim
84	Lê Văn Kính
85	Nguyễn Văn Khuê
86	Phạm Vũ Khuê
87	Hoàng Thị Lan
88	Tạ Kim Lãng
89	Nguyễn Xuân Liêm
90	Trần Thị Loan
91	Kiều Huy Luân
92	Tạ Mân
93	Vương Dương Minh
94	Nguyễn Thu Nga
95	Bùi Văn Nghị
96	Nguyễn Thị Ninh
97	Nguyễn Ngọc Uy
98	Nguyễn Đăng Phát
99	Phan Huy Phú
100	Nguyễn Thị Phúc

- 101 Nguyễn Tiến Quang
 102 Trần Nguyệt Quang
 103 Đoàn Quỳnh
 104 Nguyễn Đình Quyết
 105 Nguyễn Văn Quyết
 106 Ngô Xuân Sơn
 107 Hoàng Xuân Sính
 108 Nguyễn Tiến Tài
 109 Nguyễn Huy Tân
 110 Bùi Đắc Tắc
 111 Lê Khắc Thành
 112 Trịnh Khang Thành
 113 Đỗ Đức Thái
 114 Hoàng Xuân Thảo
 115 Vũ Thu
 116 Nguyễn Duy Thuận
 117 Nguyễn Đình Thọ
 118 Phan Doãn Thoại
 119 Nguyễn Thị Tĩnh
 120 Trần Huy Toàn
 121 Cấn Văn Tuấn
 122 Nguyễn Doãn Tuấn
 123 Vũ Tuấn
 124 Nguyễn Văn Trào
 125 Lê Quang Trung
 126 Phạm Văn Việt
 127 Đoàn Hữu Vượng
 128 Vũ Việt Yên

Viện Khoa học giáo dục (HN)*

- 129 Nguyễn Hữu Châu
 130 Trần Đình Châu
 131 Ngô Hữu Dũng
 132 Đỗ Tiến Đạt
 133 Đỗ Đình Hoan
 134 Đỗ Mạnh Hùng
 135 Trần Kiều
 136 Trần Luận
 137 Lê Quang Phan
 138 Phạm Đức Quang
 139 Phạm Thanh Tâm
 140 Tôn Thân
 141 Nguyễn Anh Tuấn
 142 Trần Văn Vương

Cao đẳng Sư phạm Hà Nội

- 143 Nguyễn Quốc Bảo
 144 Trần Ngọc Điệp
 145 Hoàng Thanh Hà

- 146 Nguyễn Thanh Hương
 147 Nguyễn Đình Tùng
 148 Nguyễn Văn Tuấn
 149 Nguyễn Tuyết Thạch
 150 Hoàng Trọng Thái
 151 Đỗ Hồng Thủy

Đại học Sư phạm Thái Nguyên

- 152 Phạm Hiếu Bằng
 153 Luyện Thị Bình
 154 Nông Quốc Chinh
 155 Phạm Việt Đức
 156 Trịnh Thanh Hải
 157 Nguyễn Đức Lượng
 158 Nguyễn Tuyết Mai
 159 Phạm Tuyết Mai
 160 Nguyễn Thị Ngân
 161 Lê Thị Thanh Nhân
 162 Vũ Vinh Quang
 163 Lê Tùng Sơn
 164 Nông Đình Tuấn
 165 Đỗ Thái
 166 Vũ Mạnh Xuân

Đại học Đà Lạt

- 167 Trần Chung
 168 Nguyễn Hữu Đức
 169 Đặng Thanh Hải
 170 Đặng Phước Huy
 171 Tạ Lê Lợi
 172 Lê Minh Lưu
 173 Trần Tuấn Minh
 174 Tạ Thị Thu Phượng
 175 Nguyễn Vinh Quang
 176 Phạm Tiến Sơn
 177 Nguyễn Hữu Tôn
 178 Võ Tiến
 179 Trương Chí Tín
 180 Trần Hoàng Thọ
 181 Vũ Văn Thông
 182 Nguyễn Văn Vinh
 183 Trần Ngọc Anh
 184 Đỗ Nguyên Sơn
 185 Trần Thống

Đại học Sư phạm Huế

- 186 Nguyễn Trọng Chiến
 187 Phan Văn Danh
 188 Trần Đạo Đông
 189 Nguyễn Định

* Đánh dấu những hội viên (hoặc cả cơ quan) đã đóng cả hội phí năm 2001

190 Lương Hà
 191 Lê Thanh Hà
 192 Nguyễn Ngọc Hải
 193 Lê Văn Hạp
 194 Đoàn Thế Hiếu
 195 Nguyễn Hoàng
 196 Trần Khánh Hưng
 197 Lê Văn Liêm
 198 Cao Huy Linh
 199 Nguyễn Mậu Nam
 200 Văn Nam
 201 Phạm Hữu Anh Ngọc
 202 Lê Việt Ngự
 203 Võ Xuân Ninh
 204 Nguyễn Văn Sanh
 205 Nguyễn Chánh Tú
 206 Nguyễn Xuân Tuyển
 207 Phan Văn Thiện
 208 Ngô Thị Bích Thủy
 209 Lê Văn Thuyết
 210 Trương Văn Thương
 211 Hoàng Tròn
 212 Trần Vui

Đại học Khoa học Huế

213 Nguyễn Gia Định
 214 Hoàng Thị Lan Giao
 215 Trần Lộc Hùng
 216 Nguyễn Bá Lành
 217 Nguyễn Đắc Liêm
 218 Trần Đình Long
 219 Lê Tự Lực
 220 Trương Khắc Lý
 221 Mai Thị Lệ
 222 Phạm Anh Minh
 223 Phạm Lệ Mỹ
 224 Hoàng Quang
 225 Huỳnh Thế Phùng
 226 Nguyễn Hoàng Sơn
 227 Nguyễn Duy Thái Sơn
 228 Nguyễn Vũ Tiến
 229 Phan Nhật Tĩnh
 230 Nguyễn Văn Toàn
 231 Võ Thanh Tú
 232 Võ Thanh Tùng
 233 Trương Công Tuấn
 234 Lê Mạnh Thanh
 235 Trần Kim Thanh
 236 Thái Bảo Trân
 237 Tôn Thất Trí

**Đại học Khoa học tự nhiên-
 ĐHQG Hà Nội**

238 Trịnh Đình An
 239 Phạm Kỳ Anh
 240 Đào Huy Bích
 241 Nguyễn Xuân Bội
 242 Lê Xuân Cận
 243 Nguyễn Hữu Công
 244 Trần Văn Cúc
 245 Đặng Đình Châu
 246 Trần Thọ Châu
 247 Phan Đức Chính
 248 Trương Văn Diệm
 249 Nguyễn Đình Dũng
 250 Đào Văn Dũng
 251 Nguyễn Hữu Dư
 252 Nguyễn Đức Đạt
 253 Trần Thị Đệ
 254 Lê Đình Định
 255 Chu Đức
 256 Phan Cung Đức
 257 Phạm Quang Đức
 258 Phan Văn Hạp
 259 Đào Hữu Hồ
 260 Trần Trọng Huệ
 261 Phạm Văn Hùng
 262 Phạm Việt Hùng
 263 Phạm Quang Hưng
 264 Nguyễn Văn Hữu
 265 Nguyễn Hữu Việt Hưng
 266 Nguyễn Thế Hoàn
 267 Nguyễn Đình Hoá
 268 * Nguyễn Thừa Hợp
 269 Trần Huy Hồ
 270 Nguyễn Quý Hỷ
 271 Lê Thị Lan
 272 Nguyễn Văn Lâm
 273 Trần Đức Long
 274 Nguyễn Vũ Lương
 275 Nguyễn Văn Mậu
 276 Nguyễn Thị Hồng Minh
 277 Nguyễn Văn Minh
 278 Nguyễn Xuân My
 279 Mai Thúc Ngõ
 280 Hoàng Đức Nguyên
 281 Nguyễn Hữu Ngự
 282 Phạm Thị Oanh
 283 Nguyễn Viết Phú
 284 Lê Đình Phùng
 285 Phạm Trọng Quát
 286 Đặng Huy Ruận
 287 Nguyễn Đình Sang
 288 Đỗ Thanh Sơn
 289 Nguyễn Viết Triều Tiên
 290 Nguyễn Duy Tiến

291 Hoàng Quốc Toàn
 292 Đức Tôn
 293 Nguyễn Minh Tuấn
 294 Phạm Ngọc Thao
 295 Nguyễn Thủy Thanh
 296 Hoàng Chí Thanh
 297 Đặng Hùng Thắng
 298 Nguyễn Ngọc Thắng
 299 Dương Tất Thắng
 300 Đào Trọng Thi
 301 Lê Đình Thịnh
 302 Hà Quang Thụy
 303 Nguyễn Xuân Triều
 304 Nguyễn Văn Vinh
 305 Phạm Chí Vinh
 306 Nguyễn Văn Xoa

Viên Toán học (Hà Nội)

307 * Phan Thành An
 308 Trần Thị Lan Anh
 309 * Phạm Trà Ân
 310 * Hà Huy Bằng
 311 * Nguyễn Đình Công
 312 * Bùi Công Cường
 313 * Nguyễn Tự Cường
 314 * Nguyễn Văn Châu
 315 Vương Ngọc Châu
 316 Nguyễn Ngọc Chu
 317 * Nguyễn Minh Chương
 318 * Lê Văn Chóng
 319 Đỗ Ngọc Diệp
 320 * Hoàng Đình Dung
 321 Nguyễn Việt Dũng (*Đại số*)
 322 * Nguyễn Việt Dũng (*Tô pô*)
 323 * Phạm Cảnh Dương
 324 * Vũ Văn Đạt
 325 * Nguyễn Hữu Điển
 326 * Phạm Huy Điển
 327 Lê Hồng Đức
 328 * Đặng Vũ Giang
 329 * Trương Xuân Đức Hà
 330 * Phùng Hồ Hải
 331 Đinh Nho Hòa
 332 * Lê Tuấn Hoa
 333 * Lê Hội
 334 Đinh Văn Huỳnh
 335 Phan Huy Khải
 336 * Hà Huy Khoái
 337 * Trần Gia Lịch
 338 Đinh Thế Lục
 339 * Đỗ Văn Lưu
 340 * Đinh Quang Lưu
 341 * Nguyễn Sĩ Minh

342 * Lê Dũng Mưu
 343 * Nguyễn Quỳnh Nga
 344 * Hà Tiến Ngoạn
 345 * Nguyễn Văn Ngọc
 346 * Vũ Ngọc Phát
 347 * Hoàng Xuân Phú
 348 * Tạ Duy Phương
 349 * Phạm Hồng Quang
 350 * Phạm Hữu Sách
 351 * Nguyễn Khoa Sơn
 352 * Hà Huy Tài
 353 * Bùi Thế Tâm
 354 * Ngô Đắc Tân
 355 * Đỗ Hồng Tân
 356 * Nguyễn Xuân Tấn
 357 Phan Thiên Thạch
 358 Lê Công Thành
 359 * Lê Văn Thành
 360 * Nguyễn Quốc Thắng
 361 * Trần Hùng Thao
 362 * Trần Vũ Thiệu
 363 Nguyễn Văn Thu
 364 * Nguyễn Minh Trí
 365 * Ngô Việt Trung
 366 Trần Mạnh Tuấn
 367 * Đào Quang Tuyến
 368 Hoàng Tụy
 369 * Đỗ Long Vân
 370 Trần Đức Vân
 371 * Nguyễn Khắc Việt
 372 Hà Huy Vui
 373 * Nguyễn Đông Yên

Đại học Thủy lợi Hà Nội[§]

374 Phó Đức Anh
 375 Nguyễn Hữu Bảo
 376 Phạm Xuân Đồng
 377 Trần An Hải
 378 Nguyễn Mạnh Hùng
 379 Phan Thị Thanh Huyền
 380 Nguyễn Quý Lãng
 381 Nguyễn Xuân Lộc
 382 Phan Thanh Lương
 383 Nguyễn Văn Nhai
 384 Dương Thị Nội
 385 Đỗ Hữu Thanh
 386 Nguyễn Xuân Thảo
 387 Phạm Phú Tuấn
 388 Trịnh Tuấn
 389 Phạm Xuân Trung
 390 Nguyễn Thị Vinh

[§] Bắt đầu đóng hội phí từ năm 2001

Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh[#]

- 391 Trần Hữu Bồng
392 Nguyễn Cam
393 Lê Thị Hoài Châu
394 Nguyễn Văn Đông
395 Phan Thiên Danh
396 Trịnh Công Diệu
397 Đinh Văn Gắng
398 Trần Văn Hạo
399 Lê Hoàn Hoá
400 Lê Thị Thiên Hương
401 Nguyễn Bích Huy
402 Trần Huyền
403 Nguyễn Mộng Hy
404 Nguyễn Khả
405 Nguyễn Đình Lân
406 Phan Trường Linh
407 Nguyễn Chí Long
408 Phạm Thị Tuấn Mỹ
409 My Vinh Quang
410 - Dương Lương Sơn
411 Nguyễn Thái Sơn
412 - Phan Quốc Sỹ
413 Nguyễn Hà Thanh
414 Nguyễn Duy Thanh
415 - Lê Ngô Hữu Lạc Thiên
416 Trần Văn Tấn
417 - Nguyễn Anh Tuấn
418 Bùi Tường Trí
419 Lê Anh Vũ
420 Nguyễn Văn Vĩnh

Đại học Sư phạm Qui Nhơn

- 421 * Phạm Xuân Bình
422 * Phạm Văn Cường
423 Tô Văn Dung
424 * Đinh Thanh Đức
425 Lê Văn Đức
426 * Lâm Sanh Hạo
427 * Lưu Thị Thuý Hằng
428 Nguyễn Thị Thanh Hoa
429 * Nguyễn Thái Hoà
430 * Nguyễn Thị Ngọc Huệ
431 Đinh Công Hường
432 Phan Đình Khảo

[#] Đánh dấu những hội viên (hoặc cả cơ quan) đã đóng cả hội phí 1999 nhưng chưa thống kê kịp lần trước.

Dấu - trước tên chỉ những hội viên đã đóng hội phí 1999 nhưng chưa thống kê kịp lần trước.

- 433 * Nguyễn Văn Kính
434 * Trần Tín Kiệt
435 \$ Nguyễn An Khương
436 * Nguyễn Thị Phương Lan
437 * Võ Liên
438 * Trần Đình Lương
439 Hồ Anh Minh
440 * Nguyễn Đức Minh
441 * Huỳnh Văn Nam
442 * Phan Thanh Nam
443 * Mai Quý Năm
444 * Huỳnh Văn Ngãi
445 * Ngô Thị Nghĩa
446 * Bùi Thị Thanh Nhân
447 Phạm Văn Phú
448 * Phạm Thị Kim Phụng
449 * Thái Thuận Quang
450 * Nguyễn Sum
451 * Hồ Minh Toàn
452 Trần Thiện Thành
453 Lê Xuân Vinh

Đại học Sư phạm II Xuân Hoà[#]

- 454 Nguyễn Ngọc Anh
455 Nguyễn Quốc Bảo
456 Phạm Lương Bằng
457 Trần Văn Bằng
458 Bùi Văn Bình
459 Bùi Kiên Cường
460 Dương Thị Hà
461 Nguyễn Văn Hà
462 Đào Thị Hoa
463 Vũ Thị Hiệp
464 Nguyễn Văn Hùng
465 Nguyễn Huy Hưng
466 Kiều Văn Hưng
467 Nguyễn Quang Huy
468 Nguyễn Phụ Hy
469 Nguyễn Quý Khang
470 Dương Thị Luyến
471 Nguyễn Huy Lợi
472 Nguyễn Kiều Nga
473 Trần Trọng Nguyên
474 Lê Duy Ninh
475 Vũ Việt Sử
476 Phùng Đức Thắng
477 Trịnh Đình Thắng
478 Vương Thông
479 Đinh Văn Thuỷ
480 Nguyễn Năng Tâm
481 Trần Minh Tước
482 Phạm Hồng Trường
483 Tạ Ngọc Trí
484 Nguyễn Văn Vạn

Đại học Sư phạm Vinh#

485 Tạ Hoài An
486 Nguyễn Nhân Ái
487 Trần Văn Ân
488 Hồ Bính
489 Nguyễn Duy Bình
490 Phạm Ngọc Bội
491 Nguyễn Văn Cam
492 Tạ Khắc Cư
493 Trương Thị Dung
494 Nguyễn Quý Di
495 Trần Ngọc Giao
496 Nguyễn Văn Giám
497 Đào Thị Thanh Hà
498 Tạ Quang Hải
499 Lê Quốc Hán
500 Nguyễn Trung Hoà
501 Đinh Huy Hoàng
502 Trương Đức Hình
503 Trần Văn Hữu
504 Nguyễn Đình Kiểu
505 Thái Thị Hồng Lam
506 Nguyễn Thị Hồng Loan
507 Nguyễn Trọng Minh
508 Nguyễn Nhụy
509 Nguyễn Huỳnh Phán
510 Bùi Gia Quang
511 Nguyễn Hữu Quang
512 Nguyễn Thành Quang
513 Nguyễn Văn Quảng
514 Trần Xuân Sinh
515 Nguyễn Hồng Soa
516 Lê Anh Sơn
517 Hà Văn Sơn
518 Lê Xuân Sơn
519 Nguyễn Hữu Thanh
520 Phan Đức Thành
521 Từ Đức Thảo
522 Nguyễn Quốc Thi
523 Nguyễn Quốc Thỏ
524 Phạm Thanh Thông
525 Nguyễn Văn Thuận
526 Trần Thị Tạo
527 Đào Tam
528 Ngô Sĩ Tùng
529 Mai Văn Tư
530 Trần Văn Tự
531 Trương Chí Trung
532 Phạm Quang Trình
533 Hồ Quang Vinh
534 Nguyễn Quang Vinh

Học viện Kỹ thuật Quân sự (Hà Nội)

535 Tô Văn Ban
536 Đào Bá Dương
537 Hà Đại Dương
538 Nguyễn Như Đĩnh
539 Nguyễn Công Đô
540 Bùi Đông
541 Bùi Việt Hà
542 Vũ Thanh Hà
543 Nguyễn Đức Hiếu
544 Nguyễn Nam Hồng
545 Nguyễn Văn Hồng
546 Nguyễn Thu Hương
547 Bùi Thu Lâm
548 Nguyễn Thiện Luận
549 Phạm Thế Long
550 Nguyễn Hữu Mộng
551 Nguyễn Hồng Nam
552 Nguyễn Đức Nụ
553 Võ Minh Phổ
554 Ngô Hữu Phúc
555 Phạm Ngọc Phúc
556 Đinh Quang Thái
557 Tạ Hiếu Tâm
558 Đào Thanh Tĩnh
559 Nguyễn Xuân Viên
560 Nguyễn Văn Xuất
561 Bùi Thị Yến

Viện Công nghệ Thông tin

562 * Đặng Quang Á
563 * Nguyễn Chân
564 * Vũ Hoài Chương
565 * Đinh Dũng
566 * Đặng Hữu Đạo
567 Nguyễn Xuân Huy
568 * Nguyễn Văn Hùng
569 * Lê Hải Khôi
570 * Phạm Trần Nhu
571 Lê Văn Phùng
572 * Bùi Văn Thanh
573 * Nguyễn Thanh Tùng

Đại học Cần Thơ

574 ## Lâm Quốc Anh
575 ## Nguyễn Thanh Bình
576 ## Lại Thị Cẩm
577 ## Nguyễn Chí
578 ## Phùng Kim Chức
579 ## Nguyễn Thành Đào
580 ## Lê Hồng Đức

581 #* Đinh Thành Hoà
 582 #* Hồ Hữu Hoà
 583 \$ Nguyễn Quang Hoà
 584 #* Đỗ Quang Huy
 585 #* Nguyễn Kim Hường
 586 # Nguyễn Hữu Khánh
 587 #* Bùi Anh Kiệt
 588 \$ Trần Ngọc Liên
 589 #* Hồ Hữu Lộc
 590 #* Nguyễn Phú Lộc
 591 \$ Nguyễn Hoàng Long
 592 #* Ngô Thăng Long
 593 #* Trần Văn Lý
 594 #* Lê Thị Kiều Oanh
 595 #* Lê Phương Quân
 596 #* Lê Văn Sáng
 597 #* Nguyễn Văn Sáng
 598 #* Võ Văn Tài
 599 #* Đặng Hoàng Tâm
 600 #* Lê Phương Thảo
 601 #* Đặng Văn Thuận
 602 #* Nguyễn Thanh Thủy
 603 #* Trần Thị Thanh Thủy
 604 #* Dương Thị Tuyền
 605 #* Nguyễn Xuân Tranh
 606 \$ Nguyễn Thảo Trúc
 607 \$ Lê Văn Út
 608 \$ Nguyễn Hoàng Xinh
 609 #* Tô Thị Xuất

Đại học xây dựng (Hà Nội)*

610 Nguyễn Lê Anh
 611 Đặng Đình Bích
 612 Trần cảnh
 613 Lê Bá Cầu
 614 Thạch Thị Chúc
 615 Nguyễn Ngọc Cừ
 616 Thái Bình Dương
 617 Lê Huy Đạm
 618 Vũ Việt Đào
 619 Trịnh Danh Đăng
 620 Mai Văn Được
 621 Hoàng Thế Ân
 622 Doãn Tam Hoà
 623 Đặng Hồ
 624 Mai Thị Hồng
 625 Nguyễn Văn Hột
 626 Nguyễn Đăng Khôi
 627 Nguyễn Văn Nghị
 628 Nguyễn Hồng Phú
 629 Trần Thanh Sơn
 630 Bùi Quốc Thắng
 631 Trịnh Văn Thọ

632 Nguyễn Thị Thuần
 633 Trần Đình Trọng

Các cơ quan khác

634 Phạm Lợi Vũ (*Viện Cơ học*)
 635 Nguyễn Thúc Loan (*TT Thông tin, TT KHTN & CNQG*)
 636 Nguyễn Phú Sơn (*Trường PTTH Yên Lạc - Vĩnh Phúc*)
 637 Trần Tuấn Nam (*Trường Dự bị Đại học Nha Trang*)
 638 * Lê Văn Nghĩa (*Trường THCS Hồng Bàng, Hải Phòng*)
 639 Trần Văn Yên (*Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam*)
 640 Nguyễn Anh Tuấn (*Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam*)
 641 Võ Xuân Bằng (*ĐH GTVT, cơ sở 2, Tp Hồ Chí Minh*)
 642 Diệp Cẩm Thu (*TT Tin học - NN Đồng Nai*)
 643 Bùi Khắc Sơn (*Sở GD & ĐT Quảng Bình*)
 644 * Hoàng Mai Lê (*CĐ SP Thái Nguyên*)
 645 Phan Đình Diệu (*ĐH QG Hà Nội*)
 646 Trần Ninh Hoa (*PTTH Hà Nội-Amsterdam*)
 647 * Đinh Thị Xuân (*CĐ SP Thái Nguyên*)
 648 Lê Thị Hoài Thu (*CĐ SP Quảng Bình*)
 649 * Phan Thế Hải (*PTNK Hồ Xuân Hương, Quỳnh Lưu, Nghệ An*)
 650 Huỳnh Duy Thủy (*Trường THPT Tăng Bạt Hổ, Bình Định*)
 651 Trần Thanh Tùng (*ĐH Tây Nguyên*)
 652 Nguyễn Thị Bạch Kim (*Viện Khoa học Thủy lợi*)
 653 * Nguyễn Lê Hương (*Bộ GD & ĐT Hà Nội*)
 654 * Phạm Đức Chính (*Viện Cơ học*)
 655 * Hoàng Kỳ (*Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội*)
 656 Dư Đức Thắng (*Toán-Cơ-Tin, ĐH KHTN Hà Nội*)
 657 Trần Mạnh Cường (*Toán-Cơ-Tin, ĐH KHTN Hà Nội*)
 658 Lê Huy Tiến (*Toán-Cơ-Tin, ĐH KHTN Hà Nội*)

Kính mời quý vị và các bạn đồng nghiệp đăng ký tham gia Hội Toán Học Việt Nam

Hội Toán học Việt Nam được thành lập từ năm 1966. Mục đích của Hội là góp phần đẩy mạnh công tác giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học. Tất cả những ai có tham gia giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học đều có thể gia nhập Hội. Là hội viên, quý vị sẽ được phát miễn phí tạp chí Thông Tin Toán Học, được mua một số ấn phẩm toán với giá ưu đãi, được giảm hội nghị phí những hội nghị Hội tham gia tổ chức, được tham gia cũng như được thông báo đầy đủ về các hoạt động của Hội. Để gia nhập Hội lần đầu tiên hoặc để đăng ký lại hội viên (theo từng năm), quý vị chỉ việc điền và cắt gửi phiếu đăng ký dưới đây tới BCH Hội theo địa chỉ:

Chi Khổng Phương Thúy, Viện Toán Học, HT 631, Bờ Hồ, Hà Nội.

Về việc đóng hội phí có thể chọn một trong 4 hình thức sau đây:

1. Đóng tập thể theo cơ quan (kèm theo danh sách hội viên).

2. Đóng trực tiếp cho một trong các đại diện sau đây của BCH Hội tại cơ sở:

Hà Nội: ô. Nguyễn Duy Tiến (ĐHKHTN); c. Khổng Phương Thúy (Viện Toán Học); ô. Đinh Dũng (Viện Công nghệ TT); ô. Doãn Tam Hòa (ĐH Xây dựng); ô. Phạm Thế Long (ĐHKT Lê Quý Đôn); ô. Tống Đình Quì (ĐH Bách khoa); ô. Vũ Việt Sử (ĐH Sư phạm 2); ô. Lê Quang Trung (ĐHSP 1); ô. Nguyễn Hữu Bảo (ĐH Thủy lợi HN)

Các thành phố khác: ô. Trần Ngọc Giao (ĐHSP Vinh); ô. Phạm Xuân Tiều (CĐSP Nghệ An); ô. Lê Việt Ngự (ĐH Huế); ô. Nguyễn Văn Kính (ĐHSP Qui Nhơn); bà Trương Mỹ Dung (ĐHKT Tp HCM); ô. Nguyễn Bích Huy (ĐHSP Tp HCM); ô. Nguyễn Hữu Anh (ĐHKHTN Tp HCM); ô. Nguyễn Hữu Đức (ĐH Đà Lạt); ô. Đặng Văn Thuận (ĐH Cần Thơ).

3. Gửi tiền qua bưu điện đến cô Khổng Phương Thúy theo địa chỉ trên.

4. Đóng bằng tem thư (loại tem 400Đ, gửi cùng phiếu đăng ký).

BCH Hội Toán Học Việt Nam



Hội Toán Học Việt Nam		Hội phí năm 2001	
PHIẾU ĐĂNG KÍ HỘI VIÊN			
1. Họ và tên:		Hội phí :	20 000 Đ <input type="checkbox"/>
Khi đăng ký lại, quý vị chỉ cần điền ở những mục có thay đổi trong khung màu đen này		<u>Acta Math. Vietnam.</u>	70 000 Đ <input type="checkbox"/>
2. Nam <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>		Tổng cộng:	
3. Ngày sinh:		Hình thức đóng:	
4. Nơi sinh (huyện, tỉnh):		<input type="checkbox"/> Đóng tập thể theo cơ quan (tên cơ quan):	
5. Học vị (<i>năm, nơi bảo vệ</i>):		<input type="checkbox"/> Đóng cho đại diện cơ sở (tên đại diện):	
Cử nhân:		<input type="checkbox"/> Gửi bưu điện (xin gửi kèm bản chụp thư chuyển tiền)	
Ths:		<input type="checkbox"/> Đóng bằng tem thư (gửi kèm theo)	
PTS:			
TS:			
6. Học hàm (<i>năm được phong</i>):			
PGS:			
GS:			
7. Chuyên ngành:			
8. Nơi công tác:			
9. Chức vụ hiện nay:			
10. Địa chỉ liên hệ:			
E-mail:		<i>Ghi chú:</i> - Việc mua Acta Mathematica Vietnamica là tự nguyện và trên đây là giá ưu đãi (chỉ bằng 50% giá chính thức) cho hội viên (gồm 3 số, kể cả bưu phí).	
ĐT:		- Gạch chéo ô tương ứng.	
Ngày:	Kí tên:		

Mục lục

<i>Điều lệ Hội Toán học Việt Nam</i>	1
Phạm Thế Long và Nguyễn Cảnh Lương <i>Giáo sư Nguyễn Minh Trí, người thầy, người đồng nghiệp lớn của giới Toán học Việt Nam</i>	4
Nguyễn Hữu Việt Hưng <i>Bảy bài toán của thiên niên kỷ</i>	6
Trần Đức Vân <i>Bài toán về tồn tại nghiệm trơn của hệ phương trình Navier-Stokes</i>	9
Doãn Tam Hòa <i>Khoa Công nghệ Thông tin - ĐHXD Hà Nội</i>	13
<i>Giải thưởng khoa học Viện Toán học 2001</i>	14
<i>Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2000</i>	14
Lê Bá Long và Lương Cao Đông <i>Trường thu lần thứ nhất về hệ mờ và ứng dụng</i>	16
<i>Tin tức hội viên và hoạt động Toán học</i>	17
<i>Hội nghị, Hội thảo</i>	18
<i>Thông báo Hội thảo Quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của công nghệ thông tin</i>	19
<i>Thông báo Trường quốc tế: Lý thuyết điều khiển và hệ khả tích</i>	20
<i>Thông báo Hội nghị quốc tế DEAA-2001: Phương trình vi phân, lý thuyết xấp xỉ và ứng dụng</i>	20
<i>Thông báo Hội nghị quốc tế: Finite or Infinite Dimensional Complex Analysis and Applications</i>	21
<i>Danh sách hội viên đã đóng hội phí năm 2000</i>	22